TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01/2025/BB-SD9- ĐHĐCĐ	*Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2025*

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Hôm nay, ngày 25 tháng 04 năm 2025, tại Hội trường tầng 9, tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (*sau đây gọi tắt là **ĐHĐCĐ**)* của Công ty cổ phần Sông Đà 9 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100845515.

I. Thành phần tham dự và tính hợp pháp, hợp lệ của ĐHĐCĐ

1. Thành phần tham dự:

- Tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ: Số cổ đông và đại diện theo ủy quyền của các cổ đông tham dự Đại hội tính đến thời điểm 08^{h}30 ngày 25/04/2025 là 16 cổ đông, nắm giữ 25.065.744 cổ phần chiếm 73,22% vốn điều lệ của Công ty.

2. Tính hợp pháp và hợp lệ của Đại hội:

Căn cứ khoản 1 điều 145 Luật Doanh nghiệp cuộc họp ĐHĐCĐ đã hợp pháp và đủ điều kiện để tiến hành.

- Số cổ đông tính đến thời điểm bỏ phiếu là 23 cổ đông nắm giữ 25.242.131 cổ phần chiếm 73,73% vốn điều lệ của Công ty.

II. Nội dung và chương trình Đại hội

1. Thông qua báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch SXKD 2024; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.
2. Tờ trình báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của kiểm toán độc lập.
3. Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024, kế hoạch chương trình công tác năm 2025 của HĐQT Công ty.
4. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025.
5. Tờ trình đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 và ủy quyền HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán.
6. Tờ trình Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024.
7. Tờ trình Thông qua quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2024; phương án trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2025.
8. Thảo luận tại Đại hội.
9. Thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

III. Diễn Biến Đại Hội:

A. Thủ tục tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ:

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo trước Đại hội về tình hình cổ đông tham dự Đại hội và điều kiện tiến hành Đại hội.

2. Ban tổ chức tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu tham dự.

3. Ban tổ chức giới thiệu Ban chủ tọa gồm:

- Ông Trần Thế Quang	- Chủ tịch HĐQT	- Chủ tọa Đại hội
- Ông Nguyễn Hải Sơn	- TVHĐQT - TGĐ	- Thành viên
- Ông Lê Hải Đoàn	- TVHĐQT	- Thành viên

Thành phần Ban chủ tọa được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua bằng hình thức giơ tay tại Đại hội – đạt tỷ lệ 100% đồng ý.

4. Chủ tọa Đại hội chỉ định Ban thư ký Đại hội gồm

- Bà Nguyễn Thị Thùy	- Thư ký HĐQT	- Trưởng ban
- Ông Nguyễn Văn Minh	- PGĐ BQL công trình	- Thành viên

5. Chủ tọa Đại hội đề cử Ban kiểm phiếu như sau:

- Ông Lê Đăng Quân	- CTCĐ cty	- Trưởng ban
- Bà Lê Thị Kim Ngân	- TP. HCNS	- Thành viên
- Bà Trần Thị Chung	- PP. TCKT	- Thành viên
- Ông Trịnh Thế Trọng	- PP KTeKT	- Thành viên
- Bà Lê Thị Thanh Hiến Yến	- P. KTeKT	- Thành viên
- Bà Phùng Thị Minh Nghĩa	- P. TCKT	- Thành viên

Thành phần Ban kiểm phiếu được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua bằng hình thức giơ tay tại Đại hội - đạt tỷ lệ 100% .

6. Ban chủ tọa báo cáo Chương trình và Quy chế tổ chức đại hội.

Ông Lê Hải Đoàn - thành viên HĐQT báo cáo trước Đại hội Chương trình Đại hội và Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên Công ty cổ phần Sông Đà 9 năm 2025 và được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua bằng hình thức giơ tay tại Đại hội - đạt tỷ lệ 100% .

B. Các nội dung trình ĐHĐCĐ thông qua:

1. Ông Nguyễn Hải Sơn - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc công ty trình bày (1) báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 (2) Báo cáo kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Kiểm toán độc lập

2. Ông Trần Thế Quang - Chủ tịch HĐQT trình bày báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024, kế hoạch chương trình công tác của HĐQT năm 2025.

3. Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Trưởng ban Kiểm soát công ty báo cáo trình ĐHĐCĐ thông qua:

3.1.Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát công ty năm 2024, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025;

3.2.Tờ trình ĐHĐCĐ lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2025.

4. Ông Nguyễn Hải Sơn - Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc công ty báo cáo trình ĐHĐCĐ thông qua:

4.1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024;

4.2. Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024; phương án chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025;

C. Các ý kiến thảo luận tại Đại hội:

Tại Đại hội có 02 cổ đông chất vấn Ban chủ tọa và đề nghị giải trình các nội dung sau:

+ Kế hoạch, phương án chi trả cổ tức cho cổ đông các năm còn nợ.
+ Kế hoạch sản lượng xây lắp và lợi nhuận năm 2025.
+ Tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi.
+ Kế hoạch thu hồi công nợ và các khoản phải thu khó đòi.
+ Đăng công khai sản lượng lượng điện lên website công ty.

- Các ý kiến kiến nghị của cổ đông đã được Ban chủ tọa giải trình chi tiết tại Đại hội và các cổ đông không có ý kiến nào khác.

Cổ đông nắm cổ phần chi phối Tổng công ty Sông Đà - CTCP có ý kiến: Năm 2024 Công ty cổ phần Sông Đà 9 có nhiều cố gắng để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh đã đặt ra, đã giải quyết được nhiều vấn đề tồn tại. Năm 2025 đề nghị Sông Đà 9 chú trọng triển khai các giải pháp cụ thể để đảm bảo hoàn thành các kế hoạch đã đề ra.

D. Kết quả biểu quyết các nội dung trình ĐHĐCĐ

Sau phần thảo luận, Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu.

1. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025. Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2025.

Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết.

Kết quả biểu quyết:

- *Số phiếu hợp lệ: 23 phiếu tương ứng với 25.242.131 cổ phần chiếm 100% cổ phần tham dự Đại hội*
- *Số phiếu không hợp lệ:0 phiếu.*

- Số phiếu tán thành: 19 phiếu tương ứng với 24.567.631 cổ phần chiếm 97,33% cổ phần tham dự Đại hội.

- Số phiếu không tán thành: 04 phiếu tương ứng với 674.500 cổ phần chiếm 2,67% cổ phần tham dự Đại hội.
- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu.

Kết luận: Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Tờ trình kết quả báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty kiểm toán độc lập. Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2025.

Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết.

Kết quả biểu quyết:

- *Số phiếu hợp lệ:23 phiếu tương ứng với 25.242.131 cổ phần chiếm 100% cổ phần tham dự Đại hội*
- *Số phiếu không hợp lệ:0 phiếu.*

- Số phiếu tán thành: 23 phiếu tương ứng với 25.242.131 cổ phần chiếm 100% cổ phần tham dự Đại hội
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu.
- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu.

Kết luận: Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty kiểm toán độc lập đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024; kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2025. Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2025.

Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết.

Kết quả biểu quyết:

- *Số phiếu hợp lệ: 23 phiếu tương ứng với 25.242.131 cổ phần chiếm 100% cổ phần tham dự Đại hội*
- *Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu.*

- Số phiếu tán thành: 23 phiếu tương ứng với 25.242.131 cổ phần chiếm 100% cổ phần tham dự Đại hội
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu.
- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu.

Kết luận: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024; kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2025 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty năm 2024; kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2025. Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2025.

Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết.

- *Số phiếu hợp lệ: 23 phiếu tương ứng với 25.242.131 cổ phần chiếm 100% cổ phần tham dự Đại hội*
- *Số phiếu không hợp lệ:0 phiếu.*

- Số phiếu tán thành: 23 phiếu tương ứng với 25.242.131 cổ phần chiếm 100% cổ phần tham dự Đại hội
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu.
- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu.

Kết luận: Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty năm 2024; kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2025 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025. Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2025.

Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết.

Kết quả biểu quyết:

- *Số phiếu hợp lệ: 23 phiếu tương ứng với 25.242.131 cổ phần chiếm 100% cổ phần tham dự Đại hội.*
- *Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu.*

- Số phiếu tán thành: 23 phiếu tương ứng với 25.242.131 cổ phần chiếm 100% cổ phần tham dự Đại hội
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu.
- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu

Kết luận: Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

6. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024. Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2025.

Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết. .

Kết quả biểu quyết:

- *Số phiếu hợp lệ: 23 phiếu tương ứng với 25.242.131 cổ phần chiếm 100% cổ phần tham dự Đại hội*
- *Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu.*

- Số phiếu tán thành: 11 phiếu tương ứng với 23.740.331 cổ phần chiếm 94,05% cổ phần tham dự Đại hội
- Số phiếu không tán thành: 12 phiếu, tương ứng với 1.501.800 cổ phần chiếm 5,95% cổ phần tham dự Đại hội
- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu

Kết luận: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Thông qua quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2024 và phương án trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2025. Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2025.

Phương thức biểu quyết: Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết.

Kết quả biểu quyết:

- *Số phiếu hợp lệ: 23 phiếu tương ứng với 25.242.131 cổ phần chiếm 100% cổ phần tham dự Đại hội.*
- *Số phiếu không hợp lệ:0 phiếu.*

- Số phiếu tán thành: 23 phiếu tương ứng với 25.242.131 cổ phần chiếm 100% cổ phần tham dự Đại hội.
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu.
- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu.

Kết luận: Quyết toán thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2024 và phương án trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2025 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

E. Bà Nguyễn Thị Thùy thông qua toàn văn Biên bản Đại hội đồng cổ đông năm 2025.

Biên bản được lập xong vào hồi 11giờ 30 phút cùng ngày, toàn văn Biên bản và Nghị quyết được thông qua trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và được Đại hội đồng cổ đông thông qua đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

TM. BAN THƯ KÝ	**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG** **ĐOÀN CHỦ TỊCH**
Nguyễn Thị Thùy	***Trần Thế Quang***

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ	*Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2025

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các Nghị định hướng dẫn Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/BB/ĐHĐCĐ của Đại hội Đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Sông Đà 9 năm 2025 ngày 25/04/2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Sông Đà 9 năm 2025 thống nhất biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

1.1 Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024:

- Tổng giá trị SXKD : 301 tỷ /KH 473 tỷ đồng đạt 64% KH năm
- Doanh thu : 302 tỷ /KH 460 tỷ đồng đạt 66% KH năm
- Lợi nhuận trước thuế : 26,7 tỷ /KH 26,6 tỷ đồng đạt 101% KH năm
- Lợi nhuận sau thuế : 24,8 tỷ/ KH 21,3 tỷ đồng đạt 117% KH năm
- Nộp ngân sách : 31 tỷ/KH 43 tỷ đồng đạt 72% KH năm
- Chi trả cổ tức : 5%/KH 5% đạt 100% KH năm.

1.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

- Giá trị sản xuất kinh doanh : 520 tỷ đồng;
- Doanh thu : 500 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 33,49 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế : 26,79 tỷ đồng;
- Nộp ngân sách : 55 tỷ đồng;
- Tỷ lệ cổ tức : 6%

Chi tiết như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông.

2. Thông qua báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của công ty kiểm toán độc lập. *Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2025.*

3. Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024; kế hoạch chương trình công tác của Hội đồng quản trị Công ty năm 2025. *Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2025.*

4. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2024; kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2025. *Như báo cáo và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2025.*

5. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn 1 trong 3 đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2024 bao gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán AASC (AASC).
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO (V.ACO).

6. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024:

TT	Nội dung		Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế	:	26.747.713.943
2	Chi phí thuế TNDN	:	1.652.068.408
3	Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại	:	259.679.518
4	Lợi nhuận sau thuế (4=1-2-3)	:	24.835.966.017
5	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	:	2.545.502.124
7	Lợi nhuận chia cổ tức 5% (68,9% LN phân phối)	:	17.117.000.000
8	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (21,6% LN phân phối)	:	5.356.439.203
9	Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền	:	5,0%
10	Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối	:	4.908.028.938

7. Thông qua quyết toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2024; phương án chi trả thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2025.

7.1. Quyết toán trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024 là 492.000.000 đồng tương đương hoàn thành 100% kế hoạch lợi nhuận sau thuế, mức chi trả thực hiện theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024 đã thông qua.

7.2. Chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát công ty năm 2025: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT Công ty xây dựng và phê duyệt kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 của Công ty cổ phần Sông Đà 9 theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông Công ty giao cho Hội đồng quản trị công ty chỉ đạo thực hiện các nội dung trên theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức & hoạt động của công ty.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng phòng nghiệp vụ công ty, Giám đốc các đơn vị trực thuộc căn cứ quyết nghị thực hiện.

Nơi nhận:
- *UBCK NN, SGDCKHN;*
- *Cổ đông công ty;*
- *Như điều 3;*
- *Lưu HĐQT, HCNS.*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Trần Thế Quang

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP
CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 9

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04 CT/BC-2025

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO
THỰC HIỆN SXKD NĂM 2024; KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2025

I. Báo cáo thực hiện SXKD năm 2024:

1. Các chỉ tiêu chính:

- ***Tổng giá trị SXKD:*** Toàn tổ hợp đạt 464 tỷ/630 tỷ đạt 74% KH năm. Riêng Công ty mẹ đạt 301tỷ/473 tỷ đạt 64%KH năm, giảm 12% so với cùng kỳ 2023 (341 tỷ).
- ***Doanh thu:*** Toàn tổ hợp đạt 453 tỷ/604 tỷ đạt 75% KH năm. Riêng Công ty mẹ đạt 302 tỷ/459,5 tỷ đạt 66%KH năm, giảm 20% so với cùng kỳ 2023 (380 tỷ).
- ***Lợi nhuận trước thuế:*** Toàn tổ hợp đạt 85,6 tỷ/79,8 tỷ đạt 107% KH năm. Riêng Công ty mẹ đạt 26,7 tỷ/26,6 tỷ đạt 101%KH năm, tăng 118% so với cùng kỳ 2023 (12,3 tỷ).
- ***Các khoản nộp Ngân sách nhà nước:*** Toàn tổ hợp đạt 73 tỷ/84 tỷ đạt 87% KH năm. Riêng Công ty mẹ đạt 31 tỷ/43 tỷ đạt 72%KH năm, giảm 22% so với cùng kỳ 2023 (40 tỷ).

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2024		Thực hiện 2024		Tỷ lệ hoàn thành (%)	
			Tổ hợp	Cty mẹ	Tổ hợp	Cty mẹ	Tổ hợp	Cty mẹ
A	**Tổng giá trị SXKD**	**10^9đ**	**630**	**473**	**464**	**301**	**74**	**64**
1	Giá trị xây lắp	"	250	250	75	75	30	30
2	Sản xuất công nghiệp	"	340	184	351	190	103	103
3	Giá trị kinh doanh khác	"	40	39	38	36	96	91
B	**Các chỉ tiêu tài chính**							
1	Doanh thu	"	604	460	453	302	75	66
3	Nộp ngân sách	"	84	43	73	31	87	72
4	Lợi nhuận trước thuế	"	79,8	26,6	85,6	26,7	107	101
5	Lợi nhuận sau thuế	"	63,8	21,3	71,8	24,8	113	117
6	Đầu tư	"	3	5				
7	Cổ tức	%		5		5		100

Đánh giá chung:

- Bước vào thực hiện kế hoạch năm 2024, thị trường xây lắp truyền thống của đơn vị bị thu hẹp, cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, hạ giá thành... ảnh hưởng rất lớn đến công tác tiếp thị đấu thầu, cạnh tranh tìm kiếm việc làm của đơn vị, không đáp ứng được giá trị sản lượng xây lắp đã đề ra.

  + Giá trị sản lượng trúng thầu đạt 40 tỷ/159 tỷ, thiếu 119 tỷ sản lượng xây lắp đối với công trình dự kiến đấu thầu năm 2024.

  + Công trình chuyển tiếp và đã ký hợp đồng giảm 44 tỷ sản lượng *(hoàn thành 46 tỷ/90 tỷ KH)* do tiến độ thi công chậm, ảnh hưởng của công tác giải phóng mặt bằng, pháp lý cũng như vốn thanh toán của các Chủ đầu tư.

  + Doanh thu sụt giảm 196 tỷ so với kế hoạch do không có việc làm từ công trình dự kiến đấu thầu và Công tác quyết toán giá trị các dự án do Tổng công ty làm tổng thầu còn chậm, hồ sơ quyết toán kéo dài nhiều năm, công tác tập hợp hồ sơ chứng từ để đối chiếu gặp nhiều khó khăn.

2. Chi tiết thực hiện sản lượng và tiến độ các công trình năm 2024:

2.1 Gói thầu F2 - Cải tạo kênh:

a. Về giá trị:

- Giá trị thực hiện năm 2024 : 4,8 tỷ/13 tỷ đạt 37% KH năm.
- Giá trị hợp đồng đã ký kết : 547,936 tỷ đồng.
- Giá trị sản lượng thực hiện đến 31/12/24 : 463,538 tỷ đồng.
- Giá trị thu vốn đến 31/12/24 : 463,108 tỷ đồng.

b. Công tác bàn giao, quyết toán công trình

- Đã hoàn thành công tác hoàn công công trình và bàn giao hồ sơ hoàn công cho Chủ đầu tư.
- Công tác quyết toán công trình đang triển khai thực hiện, các bên đang phối hợp và triển khai thủ tục gia hạn hợp đồng phục vụ quyết toán công trình.
- Chưa hoàn thành bàn giao hạng mục cây xanh, điện chiếu sáng. Cụ thể:

  + Bàn giao cây xanh: Trung tâm hạ tầng đô thị đã có văn bản tiếp nhận, Chủ đầu tư đang bàn giao hồ sơ.

  + Bàn giao điện chiếu sáng: Trung tâm quản lý đô thị đã có văn bản gửi Sở xây dựng đề nghị bàn giao hạng mục cho trung tâm quản lý và khai thác..

  + Bàn giao bờ kè: Sở xây dựng đã tiếp nhận hồ sơ và kiểm tra hiện trường, chưa ra văn bản tiếp nhận.

2.2 Hệ thống xử lý nước thải Yên Xá - Gói 4:

c. Về giá trị:

- Giá trị thực hiện năm 2024: 3,3 tỷ/29,6 tỷ đạt 11% KH năm.

d. Khối lượng thi công chính năm 2024:

- Thi công tuyến cống các loại: TH 109md/ KH 940md đạt 12% KH.
- Thi công hố ga các loại: TH 01 hố/ KH 33 hố đạt 3% KH.
- Thi công giếng tách: TH 03 cái/ KH 14 cái đạt 21%KH.

e. Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:

- Công tác triển khai cấp phép thi công tuyến Thanh Bình B chậm so với KH, ngày 24/6/24 mới có giấy phép thi công. Trong quá trình giao nhận mặt bằng, khảo sát nhà dân phải liên hệ qua nhiều đầu mối, thủ tục dẫn đến việc chậm triển khai thi công theo kế hoạch ban đầu.
- Công tác khoan kích ngầm trong quá trình triển khai vướng hạ tầng kỹ thuật ngầm, cần thời gian để xử lý và điều chỉnh.
- Nguồn lực tài chính của nhà thầu đứng đầu liên danh còn hạn chế, chưa tổ chức được bộ máy điều hành hiệu quả.

2.3 Công trình Núi Pháo

a. Về giá trị:

- Vận chuyển quặng đạt: 8,3 tỷ/10 tỷ đạt 83%KH.
- Cung cấp vật liệu (cát 2A, 2B, 2C) đạt : 16 tỷ đồng *(giá trị này nằm trong kế hoạch tiếp thị tìm kiếm việc làm năm 2024).*
- Cho thuê thiết bị (máy xúc lật 115ZV, máy đào PC200) đạt: 8,0 tỷ đồng *(thực hiện từ tháng 8/2024).*

b. Khối lượng thi công chính:

- Vận chuyển cung cấp cát 2A, 2B: 46.583m3.
- Vận chuyển quặng: TH 17.261 tấn/ KH 20.500 tấn.

c. Tiến độ thực hiện: Công tác vận chuyển quặng, cung cấp vật liệu và cho thuê thiết bị đáp ứng tiến độ theo hợp đồng với Chủ đầu tư.

2.4 Công trình kè Tây Giang

a. Về giá trị:

- Thực hiện năm 2024: 0,82 tỷ/10 tỷ đạt 8% KH năm, đạt 5%KH thi công công trình (15,9 tỷ).
- Giá trị hợp đồng đã ký kết : 15,9 tỷ đồng.
- Giá trị sản lượng thực hiện đến 31/12/2024 : 0,82 tỷ đồng.
- Giá trị thu vốn đến 31/12/2024 : 0,82 tỷ đồng.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: Đến 30/6/2025.

b. Khối lượng thi công chính:

- Thi công bê tông CVC đạt: 152m3/1.837m3 đạt 8% KH.
- Đào đất đạt: TH 8.500m3/26.600m3 đạt 32%KH.
- Đắp đất đạt: 4.800m3/14.200m3 đạt 34% KH.

c. Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:

- Tiến độ thi công gói thầu bắt đầu từ ngày 15/1/24; công tác đệ trình và phê duyệt của Chủ đầu tư còn chậm, đến 25/3/24 Chủ đầu tư mới phê duyệt nguồn vật liệu và cấp phối bê tông.
- Do bổ sung nguồn vật liệu đá dăm, xi măng, cát vàng so với hồ sơ mời thầu nên công tác huy động, tập kết vật liệu chậm.
- Huy động nhân sự BĐH công trình của nhà thầu đứng đầu liên danh không đạt yêu cầu.

2.5 Hồ chứa nước Cánh Tạng:

a. Về giá trị:

- Thực hiện năm 2024: 8,5tỷ/9 tỷ đạt 93% KH năm.
- Giá trị hợp đồng +PLHĐ đã ký kết : 121,47 tỷ đồng.
- Giá trị sản lượng thực hiện đến 31/12/2024 : 96,64 tỷ đồng.
- Giá trị thu vốn đến 31/12/2024 : 93,2 tỷ đồng.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: Đến 30/6/2025.

b. Khối lượng thi công chính 9 tháng đầu năm:

- Thi công bê tông CVC: 2.715m3/2.685m3 đạt 102%KH.
- Khoan neo gia cố: 1.100md/1.000md đạt 110%KH.

c. Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:

- Chủ đầu tư chậm phê duyệt thiết kế bổ sung các phần việc phát sinh.

2.6 Thanh thải, gia cố vai phải thủy điện PaKe:

a. Về giá trị:

- Thực hiện năm 2024: 12,7 tỷ/18,8 tỷ đạt 68% KH năm.

b. Công tác thi công chính:

- Xúc đất đá hạ tải vai phải đạt:108.000m3/116.000m3 đạt 93% KH.
- Khoan, phá đá xử lý đá to: 46.600m3/ 42.400m3 đạt 110% KH năm.
- Hoàn thành thi công gia cố sạt trượt mái taluy âm trạm OPY.
- Chưa hoàn thành công tác gia cố mái, phun vẩy hạng mục đào giảm tải vai phải.

c. Nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch:

- Công tác đào giảm tải giai đoạn đầu gặp nhiều đá tảng, đá quá cỡ, chỉ tiến hành xử lý bằng bột nở phá đá, búa đục phá đá nên tiến độ chậm.
- Vị trí thi công nằm trong phạm vi an toàn đập, cần hoàn thiện thủ tục cấp phép an toàn, cấp phép nổ mìn trong phạm vi thi công do Sở công thương Hà Giang cấp.
- Thủ tục xin phê duyệt lệnh thi công khẩn cấp còn chậm do phạm vi công trình nằm trên địa bàn 2 tỉnh, kế hoạch 31/3/24 hoàn thành, ngày 24/5/24 Sở công thương Hà Giang mới phê duyệt Phương án nổ mìn đại trà phục vụ thi công.
- Chịu ảnh hưởng của cơn bão số 3, tạm dừng thi công để xúc dọn sau mưa lũ và tạm dừng nổ mìn để theo dõi hiện trạng các hạng mục công trình sau mưa lũ lớn.

2.7 Hợp đồng tư vấn Dự án đa chức năng, thủy điện Dibang - India

- Giá trị thực hiện: 4,76 tỷ đồng.

2.8 Sản xuất công nghiệp:

- Giá trị sản xuất công nghiệp đạt: 351 tỷ/340 tỷ đạt 103% KH năm. Riêng Công ty mẹ đạt 190 tỷ/184 tỷ đạt 103%KH năm..
- Giá trị sản lượng điện đạt: 309 triệu kw. Riêng Công ty mẹ đạt 153 triệu kw/134 triệu kw đạt 114% KH năm.

2.9 Cho thuê văn phòng, cho thuê XMTB, hoạt động tài chính và hoạt động khác đạt 38,4 tỷ/40 tỷ đạt 96%KH năm.

3. Kiểm điểm tình hình thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2024:

3.1. Những mặt đã làm được:

3.1.1 Công tác kỹ thuật, an toàn lao động, vệ sinh môi trường

- Tổ chức tốt bộ máy chỉ huy tại các công trường, đảm bảo đôn đốc, thực hiện và giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh xảy ra, đảm bảo tiến độ thi công.
- Đảm bảo các công trình và nhà máy thủy điện hoạt động an toàn, hiệu quả. Tiếp tục áp dụng và cập nhật bổ sung hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015 và hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 45001:2018, hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015.
- Thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác đảm bảo ATLĐ - VSMT tại các công trường, an toàn vận hành các nhà máy thủy điện. Thực hiện tốt 5S tại các nhà máy thủy điện.
- Năm 2024 không để xảy ra vụ tai nạn lao động nặng trở lên, người lao động đã cơ bản nhận thức được tầm quan trọng của công tác ATLĐ.

3.1.2 Công tác kinh tế

- Xây dựng kế hoạch SXKD tháng, quý trên cơ sở mục tiêu tiến độ được phê duyệt; các giải pháp thực tiễn để thực hiện. Kiểm điểm tình hình thực hiện kế hoạch SXKD hàng tháng, quý, năm.
- Hoàn thành 74% kế hoạch SXKD (riêng công ty mẹ hoàn thành 64% KH) và 107% kế hoạch lợi nhuận năm 2024 (công ty mẹ hoàn thành 101%KH)
- Công tác thu vốn, quyết toán các công trình: Thực hiện công tác thu vốn đạt 486 tỷ/KH 657 tỷ đạt 74% kế hoạch năm; Giá trị sản lượng dở dang đến 31/12/2024 là: 216 tỷ đồng *(dở dang công trình đang thi công: 20 tỷ đồng; Dở dang công trình đã kết thúc thi công: 196 tỷ đồng)*, giảm 35 tỷ đồng so với giá trị dở dang 31/12/2023; tập trung lập hồ sơ thu vốn và quyết toán tại dự án Cánh Tạng, F2, Xekaman 1, Xekaman 3, Nam Theun1…
- Kiểm soát công tác ký kết các hợp đồng trong toàn Công ty theo đúng quy định phân cấp quản lý hợp đồng của TCT, Công ty và pháp luật hiện hành;

3.1.3 Công tác tài chính, kế toán

- Công tác tài chính tín dụng: Trong năm đã xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính và lập báo cáo thực hiện kế hoạch tháng, quý, năm và công bố thông tin qua SGDCK và UBCKNN theo đúng quy định; Xây dựng kế hoạch huy động vốn để áp ứng vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch tạo lập và sử dụng các nguồn tài chính có hiệu quả, đảm bảo tăng cường tiết kiệm trong chi phí hạ giá thành, tăng nhanh tích lũy nội bộ; Tổ chức tuần hoàn chu chuyển vốn, tổ chức thanh toán tiền bán hàng, thu hồi công nợ khách hàng. Trong năm 2024 thu tiền về tài khoản 558 tỷ/652 tỷ đạt 86% KH *(Riêng công ty mẹ đạt 377tỷ/495 tỷ đạt 76% kế hoạch. Không hoàn thành do kế hoạch tiền về bao gồm cả tiền các công trình dự kiến ký hợp đồng nhưng không ký được hợp đồng năm 2024*).

+ Quản lý và theo dõi các khoản đầu tư tài chính của công ty ra ngoài doanh nghiệp. Tuy nhiên, công tác thoái vốn các khoản đầu tư chưa được như kế hoạch do chưa tìm được các nhà đầu tư; Căn cứ vào chế độ của Nhà nước và quy định của Tổng công ty Sông Đà, Công ty để kiểm tra việc sử dụng tài sản, tiền vốn, kiểm tra việc

chấp hành các quy định về dự toán, định mức chi phí trong sản xuất kinh doanh; Cùng các phòng, ban liên quan tham gia các gói đấu thầu công ty.

- Công tác kế toán: Tổ chức bộ máy kế toán công ty đến công trình và chi nhánh phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy công ty; Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán, tổ chức việc ghi chép ban đầu và luân chuyển chứng từ khoa học, hợp lý trong từng đơn vị kế toán; Tại các chi nhánh trực thuộc có ban tài chính kế toán có hệ thống tổ chức kế toán riêng, theo dõi đầy đủ doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động SXKD của công trình giúp đơn vị thấy được hiệu quả SXKD của mình; Công tác lập duyệt luân chuyển chứng từ, mở sổ kế toán Sử dụng vốn đúng mục đích, tổ chức luân chuyển vốn hợp lý đảm bảo vốn phục vụ SXKD mang lại hiệu quả cao; Tham gia đàm phán, dự thảo các hợp đồng của Công ty; Tổ chức thực hiện chế độ báo cáo kế toán đúng quy định và phù hợp với yêu cầu quản lý của Công ty và từng đơn vị phù hợp; Quản lý chi phí các công trình giao khoán trực thuộc Công ty; Hoàn thành chi trả cổ tức năm 2017 cho các cổ đông; Hoàn thành chi trả lương và đóng BHXH cho người lao động đến tháng 12/2024; Cùng các phòng ban rà soát TSCĐ toàn công ty trình các cấp có thẩm quyền thanh lý TSCĐ không cần dùng; Công tác kiểm tra tài chính, phân tích hoạt động kinh tế: Thông qua báo cáo tài chính và theo dõi tình hình quản lý kinh tế tài chính ở đơn vị trực thuộc; Kiểm tra tính trung thực của báo cáo kế toán và quyết toán tài chính của các đơn vị trực thuộc trong Công ty; Kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2023 và năm 2024.
- Công tác xây dựng, phổ biến chế độ kế toán, tổ chức đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kế toán: Thường xuyên hướng dẫn chế độ kế toán, chính sách thuế và các chính sách chế độ cho cán bộ kế toán trong toàn công ty.

3.1.4 Công tác tổ chức, nhân sự, công nghệ thông tin:

- Công tác tổ chức, cán bộ và thực hiện chế độ chính sách cho NLĐ: Ổn định công tác tổ chức sản xuất kinh doanh tại CQCT và các đơn vị trực thuộc theo mô hình được phê duyệt; Sắp xếp lại nhân lực, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng CBCNV để phù hợp với mô hình tổ chức đáp ứng yêu cầu SXKD. Tổ chức Tết nguyên đán cho NLĐ đảm bảo an toàn; thu quân/ ra quân đúng kế hoạch; Tổ chức khám sức khỏe định kỳ; Tổ chức Nghỉ mát cho NLĐ năm 2024; Tổ chức Lễ kỷ niệm 63 năm ngày TL Công ty; Đề nghị nâng bậc lương cho 20 CBCNV đến kỳ theo quy định.
- Công tác đào tạo: Năm 2024, Công ty tổ chức đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho 129 lượt cán bộ, tương ứng 129,2 triệu đồng.
- Công tác tuyển dụng, nghỉ việc: trong năm 2024 Công ty tuyển dụng 07 người; nghỉ việc 20 người; nghỉ hưu trí 02 người.
- Công tác Công nghệ thông tin: Quản lý hệ thống website, fanpage, email của Công ty theo quy định; kịp thời đăng tải kết quả SXKD và hoạt động của Công ty; Duy trì hệ thống mạng internet, server, phần mềm SmartOffice, camera đảm bảo công tác SXKD và an ninh tại đơn vị; thay toàn bộ thiết bị wifi sang wifi công nghệ mesh.

3.1.5 Công tác quản lý thiết bị, vật tư

- Cân đối và điều chuyển XMTB thi công trên các công trường.
- Rà soát, lập hồ sơ trình Tổng Công ty xin thanh lý các TSCĐ hư hỏng nặng không có khả năng phục hồi, hiện tại Tổng công ty đã thông qua và đơn vị đang làm các thủ tục tiếp theo.

- Đã sắp xếp lại các kho toàn Công ty, tập trung XMTB tại 3 địa điểm chính phục vụ công tác quản lý và sửa chữa.
- Đã lập phương án sửa chữa, phục hồi đối với các XMTB còn hoạt động.

3.1.6 Công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm

- Trong năm 2024 đã tăng cường, đẩy mạnh công tác đấu thầu qua mạng theo đúng lộ trình; Tăng cường cử cán bộ chuyên môn, kỹ thuật liên quan đến công tác đấu thầu tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao về nghiệp vụ đấu thầu, nhất là về đấu thầu qua mạng.
- Tham gia chào giá và trúng thầu 2 gói thầu dịch vụ tại Núi Pháo: Cung cấp dịch vụ cho thuê thiết bị, giá trị 20 tỷ đồng, Cung cấp dịch vụ vận chuyển đường bộ từ Núi Pháo đi cảng Đa Phúc, giá trị 20 tỷ đồng;
- Bộ phận thị trường đã từng bước xây dựng đơn giá thi công xây lắp cạnh tranh, tiếp cận sát với đơn giá của thị trường.
- Đã tập trung xây dựng, củng cố, nâng cao hồ sơ năng lực kinh nghiệm của Công ty.
- Ký kết hợp tác và cung cấp hợp đồng dịch vụ tư vấn thủy điện với 01 đối tác tại tại Ấn Độ nhằm mở rộng thị trường tìm kiếm việc làm.
- Phối hợp cùng các đơn vị trong TCT Sông Đà tham gia đấu thầu dự án Sê Kông 4A tại CHDCND Lào (Giá trị 500 tỷ). Nghiên cứu, tìm hiểu thông tin và khảo sát tại dự án đường sắt tốc độ cao Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng.

3.1.7 Công tác sản xuất công nghiệp:

- Tổ chức vận hành các nhà máy thủy điện đúng quy trình, an toàn, hiệu quả. Thường xuyên chỉ đạo quán triệt công tác chăm sóc, bảo dưỡng, giữ gìn máy, thiết bị tốt sẵn sàng phát điện với công suất cao nhất để đạt kết quả sản xuất kinh doanh đã đề ra; Năm 2024 hoàn thành 103% giá trị sản lượng điện các nhà máy (350 tỷ/340 tỷ) (riêng công ty mẹ Sông Đà 9 đạt 190 tỷ/184 tỷ đạt 103%KH).
- Chỉ đạo khẩn trương khắc phục các sự cố sau bão số 3 như dọn dẹp hiện trường, xúc dọn các vị trí xói lở, gia cố tạm thời đảm bảo an toàn cho người và thiết bị; Rà soát tất cả các hệ thống vận hành, đảm bảo an toàn cho các nhà máy trong thời gian sau bão; Làm việc với tư vấn đưa ra các giải pháp sửa chữa, gia cố những vị trí có nguy cơ tiềm ẩn rủi ro, tiến hành gia cố bền vững công trình; Làm việc với các đơn vị bảo hiểm công trình để đánh giá thiệt hại và phương án bồi thường cho 2 nhà máy Pake, Nậm Khánh sau bão.
- Đàm phán và gia hạn Hợp đồng mua bán điện của Nhà máy thủy điện Nậm Mu. Ngày 17/6/2024, Công ty cổ phần thủy điện Nậm Mu đã ký Hợp đồng mua bán điện với giá bán điện tạm tính là 368,14 đ/kw; Tiếp tục phối hợp cùng các đơn vị sản xuất điện khác, đơn vị tư vấn làm việc với EVN báo cáo Bộ Công thương ban hành giá bán điện chính thức.

3.2. Những nhiệm vụ còn tồn tại:

3.2.1 Công tác kinh tế, kỹ thuật:

- Tiến độ thi công một số công trình chưa đáp ứng kế hoạch; Công tác quyết toán tại một số công trình còn chậm, chưa kịp thời (Xekaman 1, Xekaman 3, F2, Tuyên Quang, Nhà Quốc Hội). Công tác quyết toán giá trị các dự án do Tổng công ty làm

tổng thầu còn chậm, do hồ sơ quyết toán kéo dài nhiều năm, công tác tập hợp hồ sơ chứng từ để đối chiếu gặp nhiều khó khăn.

- Chưa hoàn thành trình phê duyệt quy chế phân cấp và sửa chữa tài sản cố định là các nhà máy thủy điện.

3.2.2 Công tác quản lý cơ giới, vật tư: Doanh thu cho thuê xe máy thiết bị đạt thấp (3,0 tỷ đồng) do chưa có các biện pháp nâng cao chất lượng công tác cho thuê XMTB.

3.2.3 Công tác tài chính, kế toán:

- Chưa đưa vào áp dụng phần mềm quản lý chi phí; Đã triển khai thực hiện phần mềm riêng phân hệ Quản lý giá thành với tên gọi FastCons: trước mắt triển khai với gói Cá nhân và áp dụng quản lý chi phí Hạng mục giảm tải Vai phải nhà máy Pake để đánh giá hiệu quả của phần mềm trước khi triển khai bản doanh nghiệp.
- Công tác quyết toán, công tác phân tích hoạt động kinh tế của các đơn vị chưa kịp thời. Chưa đánh giá hết rủi ro tại các dự án.
- Chưa hoàn thành công tác thoái vốn các khoản đầu tư tại các doanh nghiệp khác; không đạt kế hoạch tiền về năm 2024 (đạt 86% kế hoạch).

3.2.4 Công tác thị trường, tìm kiếm việc làm: Chưa hoàn thành kế hoạch tiếp thị, tìm kiếm việc làm năm 2024, giá trị trúng thầu năm 2024 là 40 tỷ/159 tỷ, đạt 25%KH.

II. Kế hoạch SXKD năm 2025:

1. Các chỉ tiêu chính.

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch SXKD	
			Tổ hợp	Công ty mẹ
I	**Tổng giá trị SXKD**	**10^9đ**	**650**	**520**
1	Giá trị xây lắp	"	283	283
2	Sản xuất công nghiệp	"	317	190
3	Phục vụ xây lắp	"	50	47
II	**Các chỉ tiêu tài chính**			
1	Doanh thu	"	620	500
2	Nộp ngân sách	"	88	55
3	Lợi nhuận trước thuế	"	80	33,5
4	Lợi nhuận sau thuế	"	64,4	26,8
5	Đầu tư	"	9	4
6	Cổ tức	%		6

2. Chi tiết mục tiêu, tiến độ các công trình năm 2025:

2.1 Công trình Yên Xá (gói 4):

- Kế hoạch sản lượng 46,3 tỷ đồng, mục tiêu chính:
- Hoàn thành toàn bộ công tác thi công khoan kích ngầm (bao gồm thi công giếng, khoan kích và hoàn trả mặt bằng) tại các tuyến D800 đường Trần Phú, D1200 đường Phạm Tu.
- Hoàn thành công tác khoan kích ngầm đường ống D1000 đường Phùng Hưng, D800 đường Phan Trọng Tuệ. Hoàn thành thi công kênh xả trước ngày 30/5/2025;

2.2 Dự án Núi Pháo

- Kế hoạch sản lượng: Vận chuyển quặng: 14 tỷ đồng; Cung cấp thiết bị 9,7 tỷ.

+ Mục tiêu tiến độ: Đáp ứng đơn hàng theo yêu cầu của chủ đầu tư.

2.3 Công trình Cánh Tạng

- Kế hoạch sản lượng 12 tỷ đồng, mục tiêu chính:

+ Hoàn thành thi công khối lượng bổ sung, phát sinh theo PLHĐ số 14 trước ngày 30/6/2025.
+ Tập trung công tác thu vốn các hạng mục bổ sung, phát sinh.
+ Hoàn thiện hồ sơ công trình phục vụ quyết toán.

2.4 Công trình kè Tây Giang:

- Kế hoạch sản lượng 27 tỷ đồng, mục tiêu chính:
- Hoàn thành công tác thi công tường kè gia cố trước 31/5/2025; thi công gia cố mái bằng tấm ốp trước 30/6/2025.

+ Hoàn thành và bàn giao công trình trước 20/7/2025.

2.5 Thủy điện PaKe, Nậm Khánh:

- Đào giảm tải vai phải Pake: 10,3 tỷ đồng.
- Khắc phục sau mưa lũ Pake: 12,1 tỷ đồng, Nậm Khánh 4,9 tỷ đồng.
- Thanh thải lòng sông Pake: 0,4 tỷ đồng.
- Mục tiêu chính:

+ Đào và giảm tải gia cố bờ phải: Hoàn thành toàn bộ công tác đào giảm tải đến cao độ thiết kế 250.00m trong tháng 01/2025; hoàn thành phun vảy gia cố mái trước ngày 10/5/2025.
+ Gia cố mái taluy âm đường VH1: hoàn thành thi công bê tông gia cố trước 30/4/2025.
+ Tiếp tục bám sát hướng dẫn của tỉnh Lào Cai và cơ quan nhà nước để hoàn thiện các thủ tục pháp lý: Hoàn thành thủ tục xin cấp GPMT, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa hiệu chỉnh; Hoàn thành thử nghiệm thiết bị theo quy trình 25 trước ngày 31/3/2025.

2.6 Sản xuất công nghiệp

- Giá trị sản xuất công nghiệp: 317 tỷ đồng (Nậm Khánh 54 tỷ, Pake 136 tỷ, Nậm Mu 127 tỷ đồng).
- Giá trị sản lượng điện: 292 triệu kw (Nậm Khánh 43 triệu kw; Pake 110 triệu kw; Nâm Mu 148 triệu kw).

2.7 Cho thuê văn phòng, cho thuê XMTB, thanh lý TSCĐ, hoạt động tài chính và hoạt động khác: 50 tỷ đồng.

2.8 Công trình tìm kiếm mới và dự kiến ký hợp đồng trong năm 2025: 135,5 tỷ.

- Công trình công viên, hồ điều hòa thành phố Phổ Yên, Thái Nguyên: 124 tỷ đồng.
- Công trình dự kiến khác: 21,3 tỷ đồng.

III. Các nhiệm vụ trọng tâm năm 2025

- Tập trung nguồn lực, đảm bảo hoàn thành các kế hoạch năm 2025.
- Tập trung triển khai công tác gia cố các hạng mục sau bão số 3 tại nhà máy Pake, Nậm Khánh trước 30/6/2025.
- Đảm bảo công tác quản lý, vận hành an toàn các nhà máy thủy điện do Công ty quản lý.

- Tích cực tham gia công tác đấu thầu qua mạng, tìm kiếm việc làm, nghiên cứu khả năng kết hợp với Tổng công ty tham gia tại dự án đường sắt tốc độ cao Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng.
- Triển khai nghiên cứu các dự án mà công ty có thế mạnh trong lĩnh vực đầu tư hoặc tham gia góp vốn đầu tư như: Thủy điện, điện gió, điện mặt trời.
- Tập trung tái cấu trúc tổ chức, ngành nghề kinh doanh, đổi mới nâng cao năng lực quản trị và điều hành của Công ty.
- Cân đối đủ nguồn lực tài chính, vật tư, nhân lực, đảm bảo tiến độ thi công các công trình và triển khai các công trình mới.
- Giải quyết dứt điểm công tác quyết toán các dự án đã thi công xong.
- Hoàn thành kế hoạch thu vốn các công trình đang và đã thi công theo kế hoạch thu vốn hàng tháng.
- Bám sát thực hiện việc gia hạn thuê đất khu đất trụ sở Công ty - Số 2 Nguyễn Hoàng.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện SXKD năm 2024; kế hoạch SXKD năm 2025 và các nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 của Công ty cổ phần Sông Đà 9.

Trân trọng báo cáo!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Trần Thế Quang

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 9

BÁO CÁO

THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024; KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2025

Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu.

STT	NỘI DUNG	ĐVT	NĂM 2024									KẾ HOẠCH SXKD 2025		
			KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN			%HT					
			TỔ HỢP	CTY ME	CTY CON	TỔ HỢP	CTY ME	CTY CON	TỔ HỢP	CTY ME	CTY CON	TỔ HỢP	CTY ME	CTY CON
I	**Tổng giá trị SXKD**	**10^6đ**	**630.000**	**473.000**	**156.800**	**464.366**	**301.116**	**163.250**	**74**	**64**	**104**	**650.276**	**520.276**	**130.000**
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10^6đ	249.700	249.700		74.942	74.942		30	30		283.000	283.000	
2	Giá trị sản xuất điện	10^6đ	340.250	184.000	156.250	350.976	190.056	160.920	103	103	103	317.557	190.056	127.500
3	Giá trị kinh doanh dịch vụ khác	10^6đ	40.101	39.550	550	38.447	36.117	2.330	96	91	424	49.720	47.220	2.500
-	Giá trị kinh doanh nhà và hạ tầng	10^6đ	8.000	8.000		8.881	8.881		111	111		8.800	8.800	
-	Giá trị kinh doanh VTTB và vận tải	10^6đ	-			3.292	3.292					2.000	2.000	
-	Giá trị kinh doanh khác	10^6đ	32.100	31.550	550	26.274	23.944	2.330	82	76	424	38.920	36.420	2.500
II	**Kế hoạch tài chính**					-								
1	Doanh số	10^6đ	656.800	500.000	156.800	485.573	322.323	163.250	74	64	104	663.805	533.805	130.000
2	Tổng doanh thu	10^6đ	603.750	459.500	144.250	453.299	301.969	151.330	75	66	105	620.059	500.059	120.000
3	Tiền về tài khoản	10^6đ	652.128	495.328	156.800	558.278	377.107	181.171	86	76	116	630.009	483.900	146.109
4	Nộp Ngân sách	10^6đ	83.660	42.920	40.740	72.651	31.020	41.631	87	72	102	88.539	55.297	33.242
5	Lợi nhuận													
	- Lợi nhuận trước thuế	10^6đ	79.770	26.600	53.170	85.603	26.748	58.856	107	101	111	80.000	33.490	46.510
	- Lợi nhuận sau thuế	10^6đ	63.816	21.280	42.536	71.816	24.836	46.980	113	117	110	64.400	26.792	37.608
6	Tỷ suất lợi nhuận													
	Lợi nhuận cận biên (LN trước thuế/Doanh thu)	%	13	5,79	36,86	18,88	8,86	38,89	143	153	106	12,90	6,70	38,76
	ROE (Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bq)	%	8	3,50	13,99	8,47	4,06	14,59	111	116	104	7,70	4,35	12,03
	ROA (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq)	%	3	1,29	11,63	4,16	1,72	12,83	126	133	110	3,39	1,73	10,66
7	Vốn chủ sở hữu	10^6đ	836.902	607.532	304.090	847.716	611.088	321.976	101	101	106	836.240	615.406	312.634
8	Vốn điều lệ	10^6đ	342.340	342.340	209.999	342.340	342.340	209.999	100	100	100	342.340	342.340	209.999

STT	NỘI DUNG	ĐVT	NĂM 2024									KẾ HOẠCH SXKD 2025		
			KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN			%HT					
			TỔ HỢP	CTY ME	CTY CON	TỔ HỢP	CTY ME	CTY CON	TỔ HỢP	CTY ME	CTY CON	TỔ HỢP	CTY ME	CTY CON
9	Tổng tài sản	10^{6}đ	1.933.772	1.650.393	365.727	1.725.958	1.447.406	366.278	89	88	100	1.898.248	1.545.614	352.634
10	Nợ phải trả	10^{6}đ	1.085.861	1.042.861	40.000	878.242	836.318	44.302	81	80	111	942.052	930.208	40.000
11	Hệ số nợ phải trả/(VCSH)	lần	1	1,72	0,13	1,04	1,37	0,14	80	80	105	1,13	1,51	0,13
12	Hệ số nợ phải trả/(VĐL)	lần	3	3,05	0,19	2,57	2,44	0,21	81	80	111	2,75	2,72	0,19
13	Tỷ lệ cổ tức	%		5,00	18,00		5,00	20,00		100	111		6,00	15,00
III	Lao động và tiền lương													
1	Tổng số CBCNV bình quân sử dụng	Người												
-	Thu nhập bình quân CBCNV/tháng	10.3đ	12.017	11.977	12.087	12.399	12.026	12.917	103	100	107		12.500	12.442
III	**Kế hoạch đầu tư**	**10^{6}đ**	**3.000**		**3.000**	**-**			**-**		**-**	**9.000**	**4.000**	**5.000**

BÁO CÁO THỰC HIỆN TÀI CHÍNH NĂM 2024; KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2025

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TỔ HỢP				SÔNG ĐÀ 9			
			KẾ HOẠCH NĂM 2024	TH KH NĂM 2024	% HT	KH NĂM 2025	KẾ HOẠCH NĂM 2024	TH KH NĂM 2024	% HT	KH NĂM 2025
I	GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG	10^3đ	629.797.760	464.365.656	74	650.276.342	473.000.000	301.115.919	64	520.276.342
II	DOANH SỐ BÁN HÀNG	10^3đ	656.800.000	485.600.000	74	663.800.000	500.000.000	322.300.000	64	533.800.000
1	Doanh thu	10^3đ	603.750.398	453.298.599	75	620.059.745	459.500.398	301.969.007	66	500.059.745
2	Thuế GTGT đầu ra	10^3đ	53.047.363	32.274.449		43.744.899	40.499.603	20.354.303		33.744.899
III	THU TIỀN VỀ TÀI KHOẢN	10^3đ	650.125.943	558.278.643	86	630.008.687	495.328.183	377.107.144	76	483.900.000
IV	LỢI NHUẬN									-
1	Mức lợi nhuận trước thuế	10^3đ	79.770.000	85.603.303	107	80.000.140	26.600.000	26.747.713	101	33.490.140
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10^3đ	15.954.000	13.787.082		15.600.028	5.320.000	1.911.748		6.698.028
2	Lợi nhuận sau thuế	10^3đ	63.816.000	71.816.221		64.400.112	21.280.000	24.835.965	117	26.792.112
3	Tỷ lệ lợi nhuận									
	- Lợi nhuận/doanh thu (LN cận biên)	%	13,2%	18,9%		12,9%	5,8%	8,9%		6,7%
	- Lợi nhuận sau thuế/ vốn điều lệ	%	18,6%	21,0%		18,8%	6,2%	7,3%		7,8%
	- Lợi nhuận sau thuế/vốn CSH	%	7,6%	8,5%		7,7%	3,5%	4,1%		4,4%
	- Lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	3,3%	4,2%		3,4%	1,3%	1,7%		1,7%
V	Vòng quay vốn lưu động	vòng	4,5	4,5	100	4,6	4,5	4,5	100	4,6
VI	CÁC KHOẢN NỘP NS									
1	Các khoản phải nộp Nhà nước	10^3đ	83.660.000	72.650.711	87	88.539.697	42.920.000	31.019.956	72	55.296.758
a	Các khoản nộp ngân sách	10^3đ	77.043.829	66.786.321		81.835.708	38.507.818	27.385.953		50.796.758
b	Các khoản nộp khác	10^3đ	6.616.172	5.864.390		6.703.989	4.412.183	3.634.003		4.500.000
VII	THU NHẬP BÌNH QUÂN									
	CBCNV bình quân	người	380	313		436	240	182		300
	Thu nhập b/q CBCNV	10^3đ	12.017	12.399	103	12.482	11.977	12.026	100	12.500
VIII	TSCĐ VÀ KHẤU HAO TSCĐ									
1	Nguyên giá BQ cần tính KH	10^3đ	1.658.243.019	1.511.084.836	91	1.588.903.594	1.114.183.269	989.572.679	89	1.038.175.409
2	Số tiền trích khấu hao	10^3đ	60.516.489	60.557.308	100	60.215.317	38.037.487	38.069.486	100	37.476.315
3	Tỷ lệ khấu hao	10^3đ	4%	4%	110	4%	3%	4%	113	4%
4	Nguyên giá TSCĐ đầu kỳ	10^3đ	2.388.263.006	2.388.362.906	100	2.395.841.276	1.654.852.493	1.654.852.493	100	1.657.021.765

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TỔ HỢP				SÔNG ĐÀ 9			
			KẾ HOẠCH NĂM 2024	TH KH NĂM 2024	% HT	KH NĂM 2025	KẾ HOẠCH NĂM 2024	TH KH NĂM 2024	% HT	KH NĂM 2025
5	Nguyên giá TSCĐ đến cuối kỳ	10^3đ	2.165.245.565	2.395.841.276	111	2.364.018.318	1.431.735.152	1.657.021.765	116	1.619.545.450
6	Giá trị TSCĐ còn lại đến cuối kỳ	10^3đ	914.806.051	933.416.946	102	878.863.807	731.832.591	733.969.864	100	696.493.550
IX	**VAY VÀ TRẢ NỢ TRUNG VÀ DÀI HẠN**									
1	Tổng mức vay trung hạn, dài hạn	10^3đ	-	-		-				
2	Trả nợ trung và dài hạn	10^3đ	122.262.467	120.938.306	99	146.652.034	122.262.467	120.938.306	99	146.652.034
	- Trả nợ gốc	10^3đ	71.975.000	71.975.000	100	99.400.000	71.975.000	71.975.000	100	99.400.000
	- Trả nợ lãi	10^3đ	50.287.467	48.963.306	97	47.252.034	50.287.467	48.963.306	97	47.252.034
3	Nợ vay trung và dài hạn cuối kỳ	10^3đ	546.200.966	546.200.966	100	446.800.966	546.200.966	546.200.966	100	446.800.966
X	**Vốn chủ sở hữu**	**10^3đ**	**836.901.582**	**847.716.006**	**101**	**836.240.530**	**607.531.888**	**611.087.854**	**101**	**615.406.527**
a	Vốn điều lệ	10^3đ	342.340.000	342.340.000		342.340.000	342.340.000	342.340.000		342.340.000
b	Thặng dư vốn	10^3đ	21.161.631	21.161.631		21.161.631	21.400.709	21.400.709		21.400.709
c	Quỹ ĐTPT	10^3đ	242.566.475	242.566.475		242.566.475	219.965.678	219.965.678		219.965.678
d	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	10^3đ	55.421.940	63.149.764		56.251.782	23.825.501	27.381.467		31.700.140
e	Nguồn vốn ĐTXD cơ bản	10^3đ	16.666	16.666		16.666				
f	Vốn chủ sở hữu khác	10^3đ	15.300.000	15.300.000		15.300.000				
g	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	10^3đ	160.094.869	163.181.470		158.603.976				
XI	**Đầu tư tài chính đến cuối kỳ**	**10^3đ**	**116.760.757**	**116.760.757**	**100**	**116.760.757**	**116.760.757**	**116.760.757**	**100**	**116.760.757**
	- Đầu tư vào công ty con	10^3đ	85.347.817	85.347.817		85.347.817	85.347.817	85.347.817		85.347.817
	- Đầu tư vào doanh nghiệp khác	10^3đ	31.412.940	31.412.940		31.412.940	31.412.940	31.412.940		31.412.940
	CỔ TỨC	**%**					**5,0%**	**5,0%**		**6,0%**

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/CT-HĐQT	*Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025*

TỜ TRÌNH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
V/v Thông qua báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông công ty

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9;*
- *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Sông Đà 9;*
- *Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.*

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 báo cáo Đại hội đồng cổ đông về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 như sau:

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY. Đây là một trong những Công ty kiểm toán có năng lực và đáp ứng đầy đủ các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Sông Đà 9 tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ngay khi có Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán, Công ty cổ phần Sông Đà 9 công bố kịp thời lên website công ty và công bố thông tin theo quy định hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Sông Đà 9 *(theo Báo cáo tài chính đính kèm)*

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như kính gửi
- Lưu HĐQT, HCNS

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Trần Thế Quang

UHY Auditing and Consulting Co Ltd

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024

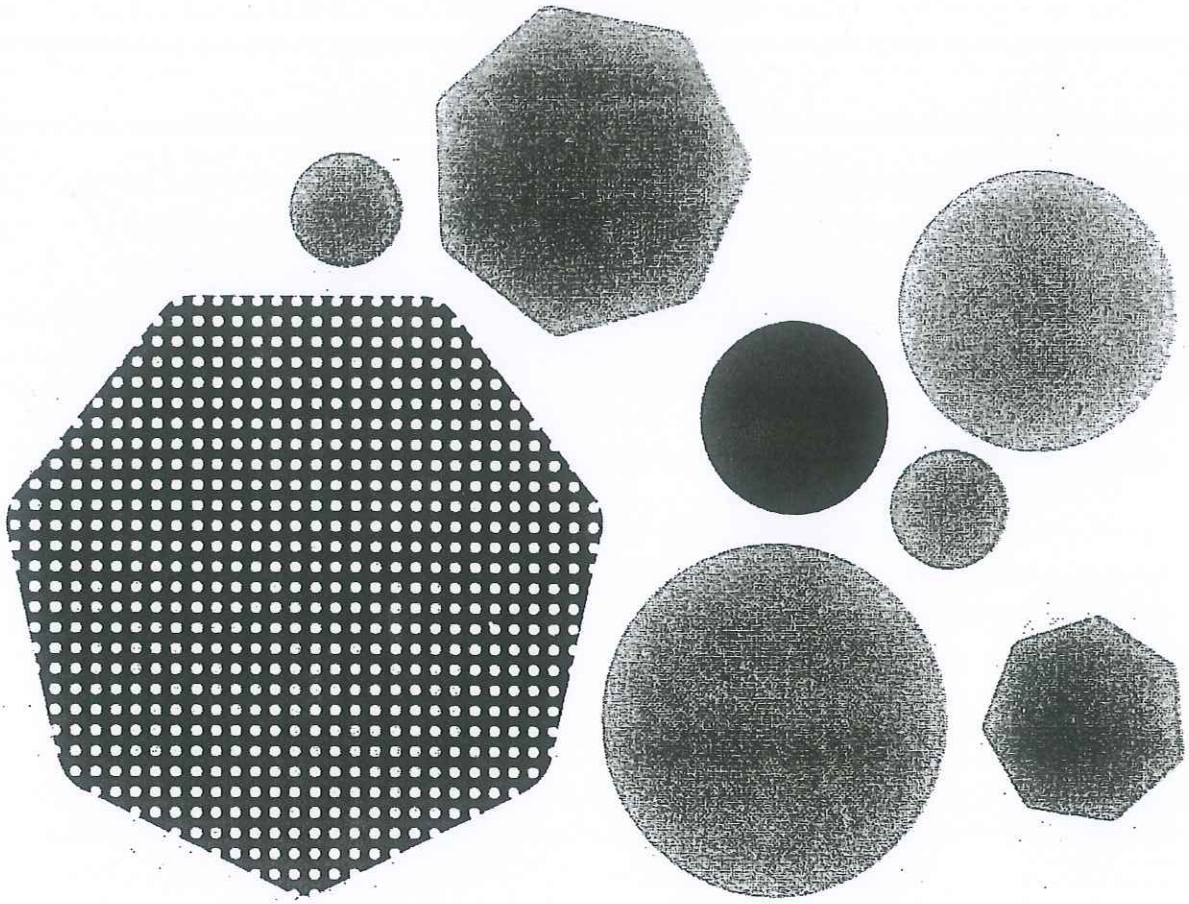

An independent member of UHY International

Helping you prosper

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024

Tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	11 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Thế Quang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hải Sơn	Thành viên
Ông Phạm Văn Quản	Thành viên
Ông Lê Hải Đoàn	Thành viên độc lập
Ông Đoàn Hùng Trường	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Phương	Trưởng Ban
Ông Lương Thế Lăng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Huế	Thành viên

Ban Điều hành, quản lý

Ông Nguyễn Hải Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Trần Anh Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Sỹ Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Quách Mạnh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thế Anh	Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Nguyễn Hải Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2025

Số: 181/2025/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Sông Đà 9
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 9

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 11 tháng 3 năm 2025, từ trang 6 đến trang 44 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ sở: Tầng 5, Tòa B2, Roman Plaza,
Đường Tố Hữu, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại: 84 24 5678 3999
www.uhy.vn
Thành viên độc lập của Hãng UHY Quốc tế

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Nguyễn Minh Long	**Bùi Đức Nam**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1	Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5142-2025-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**601.387.800.541**	**717.157.538.421**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**57.802.163.919**	**55.552.027.415**
Tiền	111		57.802.163.919	55.552.027.415
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**6.1**	**-**	**1.571.968.151**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	1.571.968.151
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**308.663.882.990**	**392.749.354.529**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	283.396.735.783	311.151.859.323
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	27.033.119.765	49.148.444.397
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	52.208.096.654	61.336.766.248
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(53.974.069.212)	(28.887.715.439)
Hàng tồn kho	**140**	**11**	**216.360.442.717**	**242.079.804.550**
Hàng tồn kho	141		216.360.442.717	242.079.804.550
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**18.561.310.915**	**25.204.383.776**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.919.254.924	437.440.158
Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.972.616.657	24.594.831.517
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	669.439.334	172.112.101
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**846.018.233.394**	**879.405.687.786**
Tài sản cố định	**220**		**733.969.863.982**	**769.870.078.233**
Tài sản cố định hữu hình	221	12	729.357.363.982	765.257.578.233
- Nguyên giá	*222*		*1.652.329.264.602*	*1.650.159.992.966*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(922.971.900.620)*	*(884.902.414.733)*
Tài sản cố định vô hình	227	5	4.612.500.000	4.612.500.000
- Nguyên giá	*228*		*4.692.500.000*	*4.692.500.000*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(80.000.000)*	*(80.000.000)*
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**13.410.264.729**	**333.553.802**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		13.410.264.729	333.553.802
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**6.2**	**90.690.703.463**	**95.535.822.831**
Đầu tư vào công ty con	251		85.347.816.852	85.347.816.852
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		31.412.940.000	31.412.940.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(26.070.053.389)	(21.224.934.021)
Tài sản dài hạn khác	**260**		**7.947.401.220**	**13.666.232.920**
Chi phí trả trước dài hạn	261		7.536.869.458	12.996.021.640
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		410.531.762	670.211.280
TỔNG TÀI SẢN	**270**		**1.447.406.033.935**	**1.596.563.226.207**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**836.318.178.210**	**1.000.727.789.734**
Nợ ngắn hạn	**310**		**389.517.211.585**	**454.526.823.109**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	57.412.146.549	98.852.730.813
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	68.322.773.066	78.583.442.931
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	3.546.746.455	9.110.576.206
Phải trả người lao động	314		7.905.638.018	12.841.355.323
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	18.722.462.791	52.031.792.238
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		645.894.988	585.722.993
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	77.411.126.982	83.877.390.428
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	153.556.117.881	116.345.711.087
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.994.304.855	2.298.101.090
Nợ dài hạn	**330**		**446.800.966.625**	**546.200.966.625**
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	446.800.966.625	546.200.966.625
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**19**	**611.087.855.725**	**595.835.436.473**
Vốn chủ sở hữu	**410**		**611.087.855.725**	**595.835.436.473**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		342.340.000.000	342.340.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*342.340.000.000*	*342.340.000.000*
Thặng dư vốn cổ phần	412		21.400.709.579	21.400.709.579
Quỹ đầu tư phát triển	418		219.965.678.005	219.965.678.005
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.381.468.141	12.129.048.889
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*2.545.502.124*	*1.878.581.242*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*24.835.966.017*	*10.250.467.647*
TỔNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.447.406.033.935**	**1.596.563.226.207**

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phùng Thị Minh Nghĩa	Trần Thế Anh	Nguyễn Hải Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**21**	**278.033.269.192**	**346.582.159.337**
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**278.033.269.192**	**346.582.159.337**
Giá vốn hàng bán	**11**	**22**	**163.053.228.816**	**264.403.079.188**
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**114.980.040.376**	**82.179.080.149**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	23.773.119.730	26.111.445.074
Chi phí tài chính	22	24	58.265.730.429	77.250.029.455
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*53.348.489.314*	*76.515.473.866*
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	48.170.140.264	21.119.771.880
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**32.317.289.413**	**9.920.723.888**
Thu nhập khác	31	25	162.618.560	7.118.148.227
Chi phí khác	32	26	5.732.194.030	4.763.990.104
Lợi nhuận khác	**40**		**(5.569.575.470)**	**2.354.158.123**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**26.747.713.943**	**12.274.882.011**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	1.652.068.408	1.763.398.690
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		259.679.518	261.015.674
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**24.835.966.017**	**10.250.467.647**

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phùng Thị Minh Nghĩa	Trần Thế Anh	Nguyễn Hải Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		**26.747.713.943**	**12.274.882.011**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		38.069.485.887	46.879.387.663
Các khoản dự phòng	03		29.931.473.141	(2.774.750.459)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ	04		(46.178.711)	43.340.504
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(23.726.941.019)	(30.203.011.741)
Chi phí lãi vay	06		53.348.489.314	76.515.473.866
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		***124.324.042.555***	***102.735.321.844***
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		67.121.621.278	150.563.873.498
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		25.719.361.833	78.104.609.497
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp	11		(91.783.953.470)	(160.736.050.679)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.977.337.416	(8.056.571.386)
Tiền lãi vay đã trả	14		(55.999.601.042)	(78.308.913.707)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.452.691.499)	(870.793.345)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.328.843.000)	(1.724.809.859)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		***68.577.274.071***	***81.706.665.863***
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(15.245.982.563)	-
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	4.091.566.667
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.428.031.849)	(1.571.968.151)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.000.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		23.726.941.019	26.111.445.074
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		***10.052.926.607***	***28.631.043.590***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		125.282.102.049	634.226.660.263
Tiền trả nợ gốc vay	34		(187.471.695.255)	(720.429.704.632)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.207.056.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*		*(76.396.649.206)*	*(86.203.044.369)*
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**2.233.551.472**	**24.134.665.084**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**4**	**55.552.027.415**	**31.417.189.795**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		16.585.032	172.536
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**4**	**57.802.163.919**	**55.552.027.415**

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phùng Thị Minh Nghĩa	Trần Thế Anh	Nguyễn Hải Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Sông Đà 9 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước - Công ty Sông Đà 9 - trực thuộc Tổng công ty Sông Đà theo Quyết định số 2195/QĐ-BXD ngày 18 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100845515, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2006 với số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 0103010465, đăng ký thay đổi lần thứ 11 là ngày 14 tháng 03 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại: Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu SD9.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 172 nhân viên (tại ngày 31/12/2023 là 192 nhân viên).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng bao gồm xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bưu điện, hạ tầng kỹ thuật; đường dây và trạm biến thế điện;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp;
- Dịch vụ tư vấn xây dựng và đấu thầu các công trình;
- Nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn;
- Đầu tư xây dựng, vận hành khai thác và kinh doanh các nhà máy điện, nhà máy xi măng.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có các công ty con, đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu có trụ sở chính tại xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là sản xuất điện. Tại ngày 31/12/2024, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty con là 51%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 901	86 Phạm Văn Đồng, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Sông Đà 905	Thôn Lù Dì Sán, xã Sán Chải, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính tổng hợp này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này:

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Công ty và Chi nhánh. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với Chi nhánh đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

3.3 NGOẠI TỆ (TIẾP)

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch)
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

(i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
(ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
(iii) Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
(iv) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong kỳ là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho tại Công ty và các Công ty con được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa bất động sản: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác, được xác định cho từng công trình (CT), Hạng mục công trình (HMCT) như sau:
  - ✓ Đối với CT, HMCT có khối lượng xây lắp hoàn thành được ghi nhận doanh thu trong kỳ:

$$\text{Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ của từng CT/HMCT} = \text{Giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ của từng CT/HMCT} \times (1 - \text{Tỷ lệ lãi định mức})$$

Trong đó: Tỷ lệ lãi định mức được Công ty xác định là 10% (kỳ trước là 10%). Giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ được xác định trên cơ sở khối lượng dở dang cuối kỳ theo kết quả kiểm kê.

3.7 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

✓ Đối với CT, HMCT chưa có khối lượng xây lắp hoàn thành được ghi nhận doanh thu trong kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ của từng CT/HMCT	=	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ của từng CT/HMCT	+	Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong kỳ của từng CT/HMCT

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	*Thời gian sử dụng (năm)*
- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 40
- Máy móc, thiết bị	05 - 20
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
- Tài sản cố định khác	03 - 05

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

3.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỞ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính tổng hợp. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

3.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, khoản trả trước tiền thuê đất, lợi thế kinh doanh, lợi thế thương mại, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian không quá 36 tháng.

3.12 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

3.12 NỢ PHẢI TRẢ (TIẾP)

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

3.13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi vay, chi phí công trình, chi phải xây dựng và các khoản chi phí phải trả ngắn hạn khác, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

Việc ghi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn của các công trình tuân thủ các nguyên tắc:

Công ty chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn cho các công trình/hạng mục đã hoàn thành và được xác định là đã bán trong kỳ. Chi phí trích trước vào giá vốn là các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng. Số chi phí trích trước được tạm tính đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của công trình/hạng mục được xác định đã bán.

3.14 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

3.15 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.16 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước: Số tiền khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua công cụ nợ, chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với giá trị hàng hoá, dịch vụ, số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống mà công ty ghi nhận theo và các khoản khác. Công ty ghi nhận theo nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Phân bổ đều trong năm theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản.

3.17 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.18 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính tổng hợp; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

3.18 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.
Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

3.19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

3.20 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

3.20 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Thu nhập từ Dự án thủy điện Pake được miễn thuế 04 năm (từ năm 2021 đến năm 2024), giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến năm 2033) kể từ khi Dự án có thu nhập chịu thuế, hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm tính từ khi Dự án phát sinh doanh thu (từ năm 2021 đến năm 2035).

Thu nhập từ các nhà máy thủy điện khác và các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế khác

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện với giá tính thuế từ ngày 01/1/2024 đến 24h ngày 10/10/2024 là 2.006,75 đ/kwh theo quyết định số 304/BCT-ĐTĐL ngày 27/4/2023; từ 0h ngày 11/10/2024 đến 31/12/2024 là 2.103,1159đ theo quyết định số 2699/QĐ-BCT ngày 11/10/2024 của Bộ Công Thương và thuế suất là 5%. .

Công ty phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo thông báo của cơ quan thuế hàng năm.

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.21 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Tiền mặt	132.704.978	215.854.728
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	57.669.458.941	55.336.172.687
Cộng	**57.802.163.919**	**55.552.027.415**

5. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2024	4.612.500.000	80.000.000	4.692.500.000
31/12/2024	4.612.500.000	80.000.000	4.692.500.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2024	-	(80.000.000)	(80.000.000)
31/12/2024	-	(80.000.000)	(80.000.000)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2024	4.612.500.000	-	4.612.500.000
31/12/2024	4.612.500.000	-	4.612.500.000

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 80.000.000 VND, tại ngày 01/01/2024 là 80.000.000 VND.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	-	-	1.571.968.151	1.571.968.151
+ Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	1.571.968.151	1.571.968.151
Cộng	-	-	1.571.968.151	1.571.968.151

6.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp VND
Đầu tư vào công ty con	***85.347.816.852***	-	*(*)*	***85.347.816.852***	-	*(*)*
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu (1)	*85.347.816.852*	-	*(*)*	*85.347.816.852*	-	*(*)*
Đầu tư vào đơn vị khác	***31.412.940.000***	***(26.070.053.389)***	*(*)*	***31.412.940.000***	***(21.224.934.021)***	*(*)*
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà (2)	*18.628.000.000*	*(18.628.000.000)*	*(*)*	*18.628.000.000*	*(14.083.493.215)*	*(*)*
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 1 (3)	*5.784.940.000*	*(5.784.940.000)*	*(*)*	*5.784.940.000*	*(5.484.325.000)*	*(*)*
+ Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội (4)	*4.000.000.000*		*(*)*	*4.000.000.000*	-	*(*)*
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong (5)	*3.000.000.000*	*(1.657.113.389)*	*(*)*	*3.000.000.000*	*(1.657.115.806)*	*(*)*
Cộng	**116.760.756.852**	**(26.070.053.389)**		**116.760.756.852**	**(21.224.934.021)**	

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

6.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC (TIẾP)

(1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5100174626 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp lần đầu ngày 29/05/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 02/07/2021, tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu là 209.999.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2024, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Thuỷ điện Nậm Mu 85.347.816.852 đồng, tương đương 51% vốn điều lệ. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Thuỷ điện Nậm Mu trong kỳ là sản xuất điện, truyền tải và phân phối điện.

(2) Tại ngày 31/12/2024, Công ty nắm giữ 1.862.800 cổ phiếu, tương đương 8,89% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Tầng Sông Đà.

(3) Tại ngày 31/12/2024, Công ty nắm giữ 245.000 cổ phiếu , tương đương 3,38% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà 1.

(4) Tại ngày 31/12/2024, Công ty nắm giữ 511.110 cổ phiếu , tương đương 5,6% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội.

(5) Tại ngày 31/12/2024, Công ty nắm giữ 300.000 cổ phiếu , tương đương 3,00% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vận Phong.

(*) Tại ngày 31/12/2024, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	**283.396.735.783**	**(40.395.946.367)**	**311.151.859.323**	**(15.457.242.384)**
- Phải thu các bên liên quan	***108.811.567.146***	-	***132.785.795.230***	-
- Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	-	-	128.186.742.433	-
+ Cơ quan Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	2.778.555.665	-	*19.164.088.049*	-
+ Ban điều hành dự án thủy điện Xekaman 1	27.477.051.531	-	*31.518.941.507*	-
+ Ban điều hành dự án thủy điện Xekaman 3	73.794.678.353	-	*73.794.678.353*	-
+ Ban điều hành dự án thủy điện Sơn La	-	-	*316.132.090*	-
+ Ban điều hành dự án thủy điện Huội Quảng	-	-	*3.096.318.885*	-
+ Ban điều hành dự án thủy điện Lai Châu	296.583.549	-	*296.583.549*	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà 2	-	-	134.354.749	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà 3	503.182.908	-	503.182.908	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.410.740.135	-	1.410.740.135	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà 5	2.409.533.985	-	2.409.533.985	-
- Công ty TNHH Điện Xekaman 1	141.241.020	-	141.241.020	-
Phải thu các khách hàng khác	***174.585.168.637***	***(40.395.946.367)***	***178.366.064.093***	***(15.457.242.384)***
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai	49.627.407.966	(24.938.703.983)	50.227.407.966	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Khánh An	9.346.659.810	-	26.178.379.298	-
- BQL Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông Đô thị	23.503.009.562	-	27.574.457.842	-
- Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	18.220.561.806	-	20.150.495.207	-
- Các khách hàng khác	73.887.529.493	(15.457.242.384)	54.235.323.780	(15.457.242.384)
Cộng	**283.396.735.783**	**(40.395.946.367)**	**311.151.859.323**	**(15.457.242.384)**

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	**27.033.119.765**	**(3.491.336.780)**	**49.148.444.397**	**(3.491.336.780)**
- Trả trước cho người bán khác	***27.033.119.765***	***(3.491.336.780)***	***49.148.444.397***	***(3.491.336.780)***
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Khánh An	1.983.391.358	-	21.810.759.217	-
+ Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Xây dựng Việt Nam	8.103.239.299	-	8.686.098.515	-
+ Các nhà cung cấp khác	16.946.489.108	(3.491.336.780)	18.651.586.665	(3.491.336.780)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**27.033.119.765**	**(3.491.336.780)**	**49.148.444.397**	**(3.491.336.780)**

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	**52.208.096.654**	**(10.086.786.065)**	**61.336.766.248**	**(9.939.136.275)**
- Phải thu các bên liên quan	***3.683.489.549***	-	***13.683.489.549***	***(4.522.692.082)***
+ Công ty Cổ phần Điện Việt Lào - Tiền lãi chậm thanh toán	3.683.489.549	-	13.683.489.549	(4.522.692.082)
- Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	***48.524.607.105***	***(10.086.786.065)***	***47.653.276.699***	***(5.416.444.193)***
+ Các khoản ký quỹ, ký cược	3.079.697.707	-	2.309.297.707	-
+ Tạm ứng	32.278.756.277	(4.686.541.872)	30.291.989.353	(16.200.000)
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà - Tiền thuê văn phòng	3.375.669.603	(3.375.669.603)	3.375.669.603	(3.375.669.603)
+ Các khoản phải thu ngắn hạn khác	9.790.483.518	(2.024.574.590)	11.676.320.036	(2.024.574.590)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**52.208.096.654**	**(10.086.786.065)**	**61.336.766.248**	**(9.939.136.275)**

10. NỢ XẤU

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- ***Phải thu khách hàng***	***65.084.650.350***	-	***(40.395.946.367)***	***15.457.242.384***	-	***(15.457.242.384)***
+ Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng	9.265.683.858	-	(9.265.683.858)	9.265.683.858	-	(9.265.683.858)
+ Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	49.627.407.966	24.688.703.983	(24.938.703.983)	-	-	-
+ Phải thu khách hàng khác	6.191.558.526	-	(6.191.558.526)	6.191.558.526	-	(6.191.558.526)
- ***Trả trước cho nhà cung cấp***	***3.491.336.780***	-	***(3.491.336.780)***	***3.491.336.780***	-	***(3.491.336.780)***
+ Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Thương mại dịch vụ 457	1.940.879.260	-	(1.940.879.260)	1.940.879.260	-	(1.940.879.260)
+ Các khoản ứng trước khác	1.550.457.520	-	(1.550.457.520)	1.550.457.520	-	(1.550.457.520)
- ***Các khoản phải thu khác***	***13.770.275.614***	***3.683.489.549***	***(10.086.786.065)***	***19.099.933.742***	***9.160.797.467***	***(9.939.136.275)***
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà	3.375.669.603	-	(3.375.669.603)	3.375.669.603	-	(3.375.669.603)
+ Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	3.683.489.549	3.683.489.549	-	13.683.489.549	9.160.797.467	(4.522.692.082)
+ Các khoản phải thu khác	6.711.116.462	-	(6.711.116.462)	2.040.774.590	-	(2.040.774.590)
Cộng	**82.346.262.744**	**3.683.489.549**	**(53.974.069.212)**	**38.048.512.906**	**9.160.797.467**	**(28.887.715.439)**

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	**24.628.807.818**	-	**21.374.886.016**	-
- Công cụ, dụng cụ	**157.902.285**	-	**520.771.448**	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	**191.573.732.614**	-	**220.184.147.086**	-
+ Công trình thủy điện Xekaman 1	*88.801.715.416*	-	*88.801.715.416*	-
+ Công trình thủy điện Tân Mỹ	*32.839.051.166*	-	*32.839.051.166*	-
+ Công trình thủy điện Tân Thượng	*39.050.704.448*	-	*39.050.704.448*	-
+ Các công trình khác	*30.882.261.584*	-	*59.492.676.056*	-
Cộng	**216.360.442.717**	-	**242.079.804.550**	-

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2024	826.697.943.604	548.237.609.174	272.848.147.530	2.061.491.792	314.800.866	1.650.159.992.966
- Mua trong năm	-	-	2.134.462.545	34.809.091	-	2.169.271.636
- Phân loại lại	(82.972.278.187)	82.824.278.187	-	64.000.000	84.000.000	-
31/12/2024	743.725.665.417	631.061.887.361	274.982.610.075	2.160.300.883	398.800.866	1.652.329.264.602
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2024	(198.825.590.433)	(422.008.744.145)	(261.691.787.497)	(2.061.491.792)	(314.800.866)	(884.902.414.733)
- Phân loại lại		148.000.000		(64.000.000)	(84.000.000)	-
- Khấu hao trong năm	(19.675.647.720)	(15.054.953.330)	(3.333.566.782)	(5.318.055)	-	(38.069.485.887)
31/12/2024	(218.501.238.153)	(436.915.697.475)	(265.025.354.279)	(2.130.809.847)	(398.800.866)	(922.971.900.620)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2024	627.872.353.171	126.228.865.029	11.156.360.033	-	-	765.257.578.233
31/12/2024	525.224.427.264	194.146.189.886	9.957.255.796	29.491.036	-	729.357.363.982

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 742.578.589.638 VND tại ngày 01/01/2024 là 791.587.613.590 VND.

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 669.128.298.444 VND tại ngày 01/01/2024 là 660.752.796.697 VND.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	57.412.146.549	57.412.146.549	98.852.730.813	98.852.730.813
- Phải trả người bán là các bên liên quan	*4.488.652.491*	*4.488.652.491*	*5.638.441.986*	*5.638.441.986*
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 2	-	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 3	843.973.964	843.973.964	843.973.964	843.973.964
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 6	2.040.602	2.040.602	2.040.602	2.040.602
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 10	597.988.387	597.988.387	597.988.387	597.988.387
+ Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	2.544.686.867	2.544.686.867	3.264.005.876	3.264.005.876
+ Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	-	-	130.470.486	130.470.486
+ Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	499.962.671	499.962.671	799.962.671	799.962.671
- Phải trả các nhà cung cấp khác	*52.923.494.058*	*52.923.494.058*	*93.214.288.827*	*93.214.288.827*
+ Liên danh nhà thầu KHIDI-KEM	-	-	709.862.475	709.862.475
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Khánh An	6.785.248.035	6.785.248.035	11.097.670.964	11.097.670.964
+ Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Trường Thịnh	2.189.234.000	2.189.234.000	6.078.586.000	6.078.586.000
+ Công ty Cổ phần Xăng dầu Thụy Dương	546.494.950	546.494.950	555.903.637	555.903.637
+ Nhà cung cấp khác	43.402.517.073	43.402.517.073	74.772.265.751	74.772.265.751
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	57.412.146.549	57.412.146.549	98.852.730.813	98.852.730.813

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	**68.322.773.066**	**68.322.773.066**	**78.583.442.931**	**78.583.442.931**
- Trả trước của các bên liên quan	-	-	-	-
+ Tổng Công ty Sông Đà - CTCP		-	-	-
- Trả trước của các khách hàng khác	***68.322.773.066***	***68.322.773.066***	***78.583.442.931***	***78.583.442.931***
+ Ban quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông đô thị TP.HCM (UCCI)	-	-	5.477.807.366	5.477.807.366
+ Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	54.527.140.656	54.527.140.656	54.527.140.656	54.527.140.656
+ Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Cấp nước, thoát nước và Môi trường TP Hà Nội	13.660.867.216	13.660.867.216	18.075.455.966	18.075.455.966
+ Các khách hàng khác	134.765.194	134.765.194	503.038.943	503.038.943
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**68.322.773.066**	**68.322.773.066**	**78.583.442.931**	**78.583.442.931**

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2024 VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	2.101.033.338	5.960.373.483	7.770.174.147	291.232.674
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.172.590.392	1.789.464.930	3.452.691.499	509.363.823
- Thuế thu nhập cá nhân	212.450.498	1.014.012.554	988.727.706	237.735.346
- Thuế tài nguyên	3.136.141.628	15.465.098.870	17.520.573.881	1.080.666.617
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	803.058.720	1.303.161.305	1.282.641.669	823.578.356
- Các loại thuế khác	36.476.903	5.000.000	5.000.000	36.476.903
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	648.824.727	1.562.227.323	1.643.359.314	567.692.736
Cộng	**9.110.576.206**	**27.099.338.465**	**32.663.168.216**	**3.546.746.455**

	01/01/2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2024 VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế tài nguyên	-	(77.276.960)	580.270.367	657.547.327
- Thuế thu nhập cá nhân	172.112.101	160.220.094	-	11.892.007
Cộng	**172.112.101**	**82.943.134**	**580.270.367**	**669.439.334**

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	**153.556.117.881**	**153.556.117.881**	**224.682.102.049**	**187.471.695.255**	**116.345.711.087**	**116.345.711.087**
Vay ngắn hạn ngân hàng	***50.941.610.360***	***50.941.610.360***	***125.282.102.049***	***115.486.560.871***	***41.146.069.182***	***41.146.069.182***
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Đông (1)	50.941.610.360	50.941.610.360	125.282.102.049	105.571.435.871	31.230.944.182	31.230.944.182
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long (2)	-	-	-	9.915.125.000	9.915.125.000	9.915.125.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	***3.214.507.521***	***3.214.507.521***	-	***10.134.384***	***3.224.641.905***	***3.224.641.905***
Vay dài hạn đến hạn trả	***99.400.000.000***	***99.400.000.000***	***99.400.000.000***	***71.975.000.000***	***71.975.000.000***	***71.975.000.000***
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông (2)	64.400.000.000	64.400.000.000	64.400.000.000	41.975.000.000	41.975.000.000	41.975.000.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội (3)	35.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	***446.800.966.625***	***446.800.966.625***	-	***99.400.000.000***	***546.200.966.625***	***546.200.966.625***
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông (2)	406.805.382.268	406.805.382.268	-	64.400.000.000	471.205.382.268	471.205.382.268
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội (3)	39.995.584.357	39.995.584.357	-	35.000.000.000	74.995.584.357	74.995.584.357
Cộng	**600.357.084.506**	**600.357.084.506**	**224.682.102.049**	**286.871.695.255**	**662.546.677.712**	**662.546.677.712**

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/209/HĐTD ngày 12/12/2024, cụ thể như sau:
Hạn mức tín dụng: 360.000.000.000 đồng
Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C.
Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hạn mức.
Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
Biện pháp đảm bảo được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố thế chấp/bảo lãnh ký quỹ.

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông theo Hợp đồng số 01/2023/209/HĐTDDH ngày 28/12/2023, cụ thể như sau:
Hạn mức vay: 519.705 triệu đồng
Mục đích vay là để tái cấu trúc khoản vay đầu tư dự án Nhà máy Thủy điện Pake.
Lãi suất vay trong hạn là lãi suất huy động vốn lưu động 12 tháng trả sau tại thời điểm điều chỉnh + biên độ.
Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay.

(3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 106.1607/2019/HĐHM-PN/PGBHN ngày 07/11/2019, cụ thể như sau:
Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, phát hành, bảo lãnh.
Thời hạn vay: 9 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên.
Khoản vay được cơ cấu lại theo thỏa thuận ngày 25/02/2022, theo đó khoản vay được gia hạn nợ đến 31/12/2026. Lãi suất thả nổi theo từng thời kỳ.
Biện pháp đảm bảo: Quyền đòi nợ sẽ hình thành trong tương lai không thuộc đối tượng tranh chấp..

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn	**18.722.462.791**	**52.031.792.238**
- Chi phí lãi vay phải trả	675.814.850	3.326.926.578
- Chi phí công trình	17.231.359.346	47.889.577.065
- Chi phí xây dựng nhà máy Thủy điện Pake	615.288.595	615.288.595
- Chi phí phải trả ngắn hạn khác	200.000.000	200.000.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	**18.722.462.791**	**52.031.792.238**

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn	**77.411.126.982**	**83.877.390.428**
- Phải trả là các bên liên quan	***41.055.235.200***	***36.048.499.200***
+ Tổng Công ty Sông Đà-CTCP (tiền cổ tức)	41.055.235.200	36.048.499.200
- Phải trả các đơn vị và các nhân khác	***36.355.891.782***	***47.828.891.228***
+ Kinh phí công đoàn	55.475.068	482.312.105
+ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	-	619.974.964
+ Quỹ Bảo vệ và Phát triển Rừng Việt Nam	1.041.227.064	995.776.596
+ Quỹ Bảo vệ phát triển rừng tỉnh Lào Cai	315.116.964	57.339.648
+ Cổ tức các năm trước (CTCP Sông Đà 901 cũ)	64.200.750	64.200.750
+ Cổ tức 2017 đến 2023 phải trả Cổ đông	29.124.464.800	39.779.756.800
+ Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	319.977.925	319.977.925
+ Các quỹ tự nguyện	371.863.860	407.511.382
+ Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.063.565.351	5.102.041.058
b) Dài hạn	-	-
Cộng	**77.411.126.982**	**83.877.390.428**

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	**342.340.000.000**	**21.400.709.579**	**219.965.678.005**	**11.459.529.819**	**595.165.917.403**
- Lãi trong năm trước	-	-	-	10.250.467.647	10.250.467.647
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(9.580.948.577)	(9.580.948.577)
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	*(1.022.448.577)*	*(1.022.448.577)*
+ Chia cổ tức	-	-	-	*(8.558.500.000)*	*(8.558.500.000)*
- Thù lao HĐQT, BKS	-	-	-		-
31/12/2023	**342.340.000.000**	**21.400.709.579**	**219.965.678.005**	**12.129.048.889**	**595.835.436.473**
01/01/2024	**342.340.000.000**	**21.400.709.579**	**219.965.678.005**	**12.129.048.889**	**595.835.436.473**
- Lãi trong năm nay	-	-	-	24.835.966.017	24.835.966.017
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(9.583.546.765)	(9.583.546.765)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	*(1.025.046.765)*	*(1.025.046.765)*
+ Chia cổ tức	-	-	-	*(8.558.500.000)*	*(8.558.500.000)*
31/12/2024	**342.340.000.000**	**21.400.709.579**	**219.965.678.005**	**27.381.468.141**	**611.087.855.725**

(*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2024/BB - ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 9.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	200.269.440.000	200.269.440.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	142.070.560.000	142.070.560.000
Cộng	**342.340.000.000**	**342.340.000.000**

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	342.340.000.000	342.340.000.000
+ Vốn góp đầu năm	342.340.000.000	342.340.000.000
+ Vốn góp cuối năm	342.340.000.000	342.340.000.000
- **Cổ tức, lợi nhuận đã chia**	**8.558.500.000**	**8.558.500.000**

19.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2024 CP	01/01/2024 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.234.000	34.234.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	34.234.000	34.234.000
Cổ phiếu phổ thông	*34.234.000*	*34.234.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.234.000	34.234.000
Cổ phiếu phổ thông	*34.234.000*	*34.234.000*
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	*10.000*	*10.000*

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2024	01/01/2024
Ngoại tệ các loại:		
Dollar Mỹ (USD)	123.790,57	65,13
Euro (EUR)	105,75	126,51

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Doanh thu bán điện	175.978.094.341	154.088.894.819
- Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	10.291.648.150	22.794.963.711
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	91.763.526.701	169.698.300.807
Cộng	**278.033.269.192**	**346.582.159.337**

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Giá vốn bán điện	58.371.972.425	55.302.196.509
- Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	11.533.808.839	20.458.580.360
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	93.147.447.552	188.642.302.319
Cộng	**163.053.228.816**	**264.403.079.188**

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	164.941.019	229.666.550
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	23.562.000.000	25.881.778.524
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	46.178.711	-
Cộng	**23.773.119.730**	**26.111.445.074**

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí lãi vay	53.348.489.314	76.515.473.866
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	-	43.340.504
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29.899.915	394.495.158
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	4.845.119.368	104.613.455
- Chi phí tài chính khác	42.221.832	192.106.472
Cộng	**58.265.730.429**	**77.250.029.455**

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	4.091.566.667
- Thu từ chuyển DA quy hoạch	-	1.090.909.091
- Các khoản khác	162.618.560	1.935.672.469
Cộng	**162.618.560**	**7.118.148.227**

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi nộp phạt do chậm nộp thuế, BHXH	2.999.110.621	4.990.168.031
- Các khoản chi phí khác	2.733.083.409	(226.177.927)
Cộng	**5.732.194.030**	**4.763.990.104**

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	*48.170.140.264*	*21.119.771.880*
- Chi phí nhân viên quản lý	13.717.643.522	16.085.689.847
- Chi phí vật liệu quản lý	1.014.781.853	747.333.468
- Chi phí đồ dùng văn phòng	119.214.364	188.486.918
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	156.130.945	514.935.528
- Thuế, phí và lệ phí	1.871.088.738	1.874.192.845
- Chi phí dự phòng	25.086.353.773	(2.879.363.914)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	818.339.299	925.962.384
- Chi phí bằng tiền khác	5.386.587.770	3.662.534.804
Cộng	48.170.140.264	21.119.771.880

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	20.181.978.257	37.080.554.268
- Chi phí nhân công	17.935.256.852	19.466.755.884
- Khấu hao tài sản cố định	37.913.354.942	46.364.452.135
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.539.217.530	41.581.815.735
- Chi phí bằng tiền khác	26.873.006.763	34.527.218.653
Cộng	**134.442.814.344**	**179.020.796.675**

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Năm 2024	**Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh** VND	**Thu nhập được ưu đãi thuế** VND	**Cộng** VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**(4.403.679.378)**	**31.151.393.321**	**26.747.713.943**
Các khoản chi phí không được khấu trừ	**24.330.159.694**	**10.339.036.174**	**34.669.195.869**
- Chi phí không hợp lý	18.556.750.652		18.556.750.652
- Chi phí lãi vay không được trừ	5.773.409.042	10.339.036.174	16.112.445.217
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	**19.926.480.316**	**41.490.429.495**	**61.416.909.812**
Thu nhập được miễn thuế	**(23.562.000.000)**	**(31.151.393.321)**	**(54.713.393.321)**
Thu nhập tính thuế	**(3.635.519.684)**	**10.339.036.174**	**6.703.516.491**
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	10%	-
Thuế TNDN phải trả ước tính	-	-	-
Thuế TNDN phải nộp bổ sung theo QĐ thanh tra thuế 2020-2022	**1.652.068.408**	-	**1.652.068.408**
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**1.652.068.408**	-	**1.652.068.408**

30. CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TRONG TƯƠNG LAI

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi vay nhập gốc	-	162.616.485
Cộng	-	**162.616.485**

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu thì trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu, các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Lĩnh vực sản xuất công nghiệp: Sản xuất điện.
- Lĩnh vực xây lắp và dịch vụ: Xây dựng công trình và cung cấp dịch vụ.

Bộ phận theo lĩnh vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn.

32 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm tài chính 2024

	Sản xuất Công nghiệp	Xây lắp	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	175.978.094.341	91.763.526.701	10.291.648.150	278.033.269.192
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	***175.978.094.341***	***91.763.526.701***	***10.291.648.150***	***278.033.269.192***
Giá vốn	(58.371.972.425)	(93.147.447.552)	(11.533.808.839)	(163.053.228.816,00)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	117.606.121.916	(1.383.920.851)	(1.242.160.689)	114.980.040.376
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(48.170.140.264)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				66.809.900.112
Doanh thu hoạt động tài chính				23.773.119.730
Chi phí tài chính				(58.265.730.429)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				-
Thu nhập khác				162.618.560
Chi phí khác				(5.732.194.030)
Lợi nhuận trước thuế				***26.747.713.943***
Tài sản không phân bổ				***1.447.406.033.935***
Nợ phải trả không phân bổ				***836.318.178.210***

32 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm tài chính 2023

	Sản xuất Công nghiệp	Xây lắp	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	154.088.894.819	169.698.300.807	22.794.963.711	346.582.159.337
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	***154.088.894.819***	***169.698.300.807***	***22.794.963.711***	***346.582.159.337***
Giá vốn	(55.302.196.509)	(188.642.302.319)	(20.458.580.360)	(264.403.079.188,00)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	98.786.698.310	(18.944.001.512)	2.336.383.351	82.179.080.149
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(21.119.771.880,00)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				61.059.308.269
Doanh thu hoạt động tài chính				26.111.445.074
Chi phí tài chính				(77.250.029.455,00)
Chi phí khác				(4.763.990.104)
Lợi nhuận trước thuế				***12.274.882.011***
Tài sản không phân bổ				**1.596.563.226.207**
Nợ phải trả không phân bổ				**1.000.727.789.734**

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	*48.170.140.264*	*21.119.771.880*
- Chi phí nhân viên quản lý	13.717.643.522	16.085.689.847
- Chi phí vật liệu quản lý	1.014.781.853	747.333.468
- Chi phí đồ dùng văn phòng	119.214.364	188.486.918
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	156.130.945	514.935.528
- Thuế, phí và lệ phí	1.871.088.738	1.874.192.845
- Chi phí dự phòng	25.086.353.773	(2.879.363.914)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	818.339.299	925.962.384
- Chi phí bằng tiền khác	5.386.587.770	3.662.534.804
Cộng	48.170.140.264	21.119.771.880

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	20.181.978.257	37.080.554.268
- Chi phí nhân công	17.935.256.852	19.466.755.884
- Khấu hao tài sản cố định	37.913.354.942	46.364.452.135
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.539.217.530	41.581.815.735
- Chi phí bằng tiền khác	26.873.006.763	34.527.218.653
Cộng	**134.442.814.344**	**179.020.796.675**

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Năm 2024	Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh VND	Thu nhập được ưu đãi thuế VND	Cộng VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**(4.403.679.378)**	**31.151.393.321**	**26.747.713.943**
Các khoản chi phí không được khấu trừ	**24.330.159.694**	**10.339.036.174**	**34.669.195.869**
- Chi phí không hợp lý	18.556.750.652		18.556.750.652
- Chi phí lãi vay không được trừ	5.773.409.042	10.339.036.174	16.112.445.217
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	**19.926.480.316**	**41.490.429.495**	**61.416.909.812**
Thu nhập được miễn thuế	**(23.562.000.000)**	**(31.151.393.321)**	**(54.713.393.321)**
Thu nhập tính thuế	**(3.635.519.684)**	**10.339.036.174**	**6.703.516.491**
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	10%	-
Thuế TNDN phải trả ước tính	-	-	-
Thuế TNDN phải nộp bổ sung theo QĐ thanh tra thuế 2020-2022	**1.652.068.408**	-	**1.652.068.408**
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**1.652.068.408**	-	**1.652.068.408**

30. CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TRONG TƯƠNG LAI

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi vay nhập gốc	-	162.616.485
Cộng	-	**162.616.485**

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu thì trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu, các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Lĩnh vực sản xuất công nghiệp: Sản xuất điện.
- Lĩnh vực xây lắp và dịch vụ: Xây dựng công trình và cung cấp dịch vụ.

Bộ phận theo lĩnh vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn.

32 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm tài chính 2024

	Sản xuất Công nghiệp	Xây lắp	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	175.978.094.341	91.763.526.701	10.291.648.150	278.033.269.192
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	***175.978.094.341***	***91.763.526.701***	***10.291.648.150***	***278.033.269.192***
Giá vốn	(58.371.972.425)	(93.147.447.552)	(11.533.808.839)	(163.053.228.816,00)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	117.606.121.916	(1.383.920.851)	(1.242.160.689)	114.980.040.376
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(48.170.140.264)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				66.809.900.112
Doanh thu hoạt động tài chính				23.773.119.730
Chi phí tài chính				(58.265.730.429)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				-
Thu nhập khác				162.618.560
Chi phí khác				(5.732.194.030)
Lợi nhuận trước thuế				***26.747.713.943***
Tài sản không phân bổ				***1.447.406.033.935***
Nợ phải trả không phân bổ				***836.318.178.210***

32 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm tài chính 2023

	Sản xuất Công nghiệp	Xây lắp	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	154.088.894.819	169.698.300.807	22.794.963.711	346.582.159.337
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	***154.088.894.819***	***169.698.300.807***	***22.794.963.711***	***346.582.159.337***
Giá vốn	(55.302.196.509)	(188.642.302.319)	(20.458.580.360)	(264.403.079.188,00)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	98.786.698.310	(18.944.001.512)	2.336.383.351	82.179.080.149
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(21.119.771.880,00)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				61.059.308.269
Doanh thu hoạt động tài chính				26.111.445.074
Chi phí tài chính				(77.250.029.455,00)
Chi phí khác				(4.763.990.104)
Lợi nhuận trước thuế				***12.274.882.011***
Tài sản không phân bổ				**1.596.563.226.207**
Nợ phải trả không phân bổ				**1.000.727.789.734**

33. THÔNG TIN KHÁC

33.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Tổng Công ty Sông Đà – CTCP	Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Thuỷ điện Nậm Mu	Công ty con
- Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	Công ty con gián tiếp
- Các Công ty con và Công ty liên kết của Tổng Công ty Sông Đà – CTCP	Công ty cùng Tổng công ty Sông Đà - CTCP

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu xây lắp, bán hàng hóa, dịch vụ		
- Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	124.204.445	142.523.430
- Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	22.574.415.287	85.428.218.163
- Công ty TNHH Điện Xekaman 1	-	1.332.818.408
Mua hàng hoá dịch vụ		
- Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	-	9.902.049.290
- Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	-	2.144.013.978
- Công ty Cổ phần cơ khí lắp máy Sông Đà	-	1.098.874.155
- Công ty Cổ phần Sông Đà 5	-	-
- Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Sông Đà UCRIN	-	72.750.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	-	-

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Các khoản phải thu khác		
- Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	-	273.246

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc	***2.993.966.000***	***2.820.601.000***
- Ông Trần Thế Quang	546.000.000	548.100.000
- Ông Nguyễn Hải Sơn	570.000.000	521.708.000
- Ông Trần Anh Phương	410.783.000	387.117.000
- Ông Lê Sỹ Tiến	421.000.000	384.548.000
- Ông Quách Mạnh Hải	410.583.000	416.332.000
- Trần Thế Anh	383.600.000	382.796.000
- Đoàn Hùng Trường	84.000.000	60.000.000
- Phạm Văn Quán	84.000.000	60.000.000
- Lê Hải Đoàn	84.000.000	60.000.000
Ban Kiểm soát	***612.112.036***	***554.648.000***
- Ông Lương Thế Lăng	295.400.807	259.047.000
- Bà Nguyễn Thị Thanh Huế	232.711.229	211.601.000
- Bà Nguyễn Thu Phương	84.000.000	84.000.000
Cộng	**3.606.078.036**	**3.375.249.000**

33.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Sông Đà 9 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phùng Thị Minh Nghĩa	Trần Thế Anh	Nguyễn Hải Sơn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ- CTCP **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2025/BC - HĐQT	Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2025

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin về Công ty:

- Tên công ty đại chúng: Công ty cổ phần Sông Đà 9
- Vốn điều lệ: 342.340.000.000 đồng
- Mã chứng khoán: SD9

2. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

- Ông Trần Thế Quang	- Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Hải Sơn	- TVHĐQT, Tổng giám đốc
- Ông Phạm Văn Quản	- TVHĐQT
- Ông Đoàn Hùng Trường	- TVHĐQT
- Ông Lê Hải Đoàn	- TVHĐQT

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024

1. Đặc điểm tình hình.

- Tháng 4/2024, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024; Đại hội đã thông qua: (i) Báo cáo sản xuất kinh doanh; (ii) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán; (iii) Báo cáo Hội đồng quản trị (iv) báo cáo ban kiểm soát; (v) Báo cáo phân phối lợi nhuận chia cổ tức; (vi) Báo cáo chi trả lương, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát; (vii) Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024.
- Về nhân sự Hội đồng đồng quản trị và Ban điều hành Công ty: Không có sự thay đổi.
- Về sản xuất kinh doanh đã được dự báo từ đầu năm 2024, hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn gặp nhiều khó khăn về việc làm cũng như đầu tư.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị:

a. Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng, đầy đủ chức năng, quyền hạn của HĐQT được quy định trong Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật hiện hành và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, cụ thể:

- HĐQT đã chuẩn bị đầy đủ chương trình, nội dung, tài liệu, triệu tập và tổ chức thành công ĐHĐCĐ năm 2024.
- Chỉ đạo giám sát Ban điều hành trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ.
- Để hoạt động kinh doanh của Công ty được quyết đáp nhanh chóng, không bỏ lỡ thời cơ, nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu cẩn trọng, các thành viên HĐQT đã chủ

động, trách nhiệm, tăng cường giải quyết công việc thông qua hội ý, trao đổi, xin ý kiến bằng văn bản và thư điện tử. Năm qua, HĐQT đã tổ chức: 04 cuộc họp thường kỳ, đã ban hành 18 Nghị quyết, quyết định, 38 văn bản, chỉ thị chủ yếu về các nội dung sau:

+ Thông qua kết quả hoạt động SXKD tháng, quý, năm. Kế hoạch và phương hướng hoạt động của tháng, quý, năm tiếp theo; Các văn bản chỉ đạo về công tác thu vốn, tiến độ thi công, đảm bảo an toàn các công trình trong mùa mưa bão...
+ Sắp xếp lại, xử lý nhà đất của công ty CP Sông Đà 9.
+ Cử cán bộ đi công tác tại nước ngoài.
+ Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024.
+ Phê duyệt thiết kế, dự toán các hạng mục công tình thủy điện Pake và các báo cáo khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Việc ban hành các nghị quyết đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

(Chi tiết các Nghị quyết, quyết định, biên bản các cuộc họp được lưu trữ tại Văn phòng HĐQT và liệt kê chi tiết tại báo cáo công tác quản trị năm 2024 đã được công bố thông tin).

- Về lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024: Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị đã phê duyệt Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024, bao gồm cả việc soát xét Báo cáo tài chính bán niên của Công ty mẹ và hợp nhất Công ty mẹ - công ty con.
- Về công tác quản trị doanh nghiệp: Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức hoạt động, quy chế hoạt động của HĐQT, quy chế nội bộ về quản trị, quy chế công bố thông tin và các quy chế, quy định khác đảm bảo lợi ích của Công ty và cổ đông; tạo điều kiện thuận lợi để Tổng giám đốc Công ty chỉ đạo trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh song vẫn đảm bảo quản lý, chỉ đạo, giám sát, thận trọng của HĐQT.
- Về hợp đồng giao dịch giữa Công ty với các đối tượng có liên quan: Không có.
- Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT có liên quan tích cực tham gia các cuộc họp Ban điều hành với Người đại diện vốn về kết quả sản xuất kinh doanh năm trước, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm sau để nắm bắt kịp thời và đưa ra quyết sách phù hợp *(Chỉ đạo xây dựng kế hoạch năm 2025 và kế hoạch 5 năm 2026-:-2030. Lấy kế hoạch 2025 làm mốc và tăng trưởng từ 5% -:- 7% về doanh thu các các năm tiếp theo trong kế hoạch 5 năm).*
- Công tác thu hồi công nợ đã được Hội đồng quản trị và Ban điều hành quan tâm đặc biệt, nhất là các khoản nợ lâu năm, khó đòi.
- Việc thực hiện chủ trương thoái vốn đầu tư tài chính tại một số đơn vị: Chưa thực hiện được.
- Về kết quả công tác sản xuất kinh doanh: Năm 2024 vẫn là năm được đánh giá là khó khăn đối với các đơn vị trong ngành xây dựng. Trước tình hình đó, mặc dù dưới dự chỉ đạo điều hành kịp thời, quyết liệt của HĐQT, Ban điều hành và sự

ủng hộ của cổ đông lớn, tuy nhiên một số chỉ tiêu chính của Công ty chưa đạt 100% kế hoạch đề ra.

+ Tổng giá trị SXKD : 301 tỷ /KH 473 tỷ đồng đạt 64% KH năm
+ Doanh thu : 302 tỷ /KH 460 tỷ đồng đạt 66% KH năm
+ Lợi nhuận trước thuế : 26,7 tỷ /KH 26,6 tỷ đồng đạt 101% KH năm
+ Lợi nhuận sau thuế : 24,8 tỷ/ KH 21,3 tỷ đồng đạt 117% KH năm
+ Nộp ngân sách : 31 tỷ/KH 43 tỷ đồng đạt 72% KH năm
+ Chi trả cổ tức : 5%/KH 5% đạt 100% KH năm.

b. Mối quan hệ công tác của Hội đồng quản trị:

- Các thành viên HĐQT luôn phối hợp chặt chẽ, thông tin kịp thời về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc.
- Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết, quyết định để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện và kiểm tra giám sát thực hiện các nghị quyết, quyết định đó. Các cuộc họp định kỳ, đột xuất, tùy theo nội dung cuộc họp, HĐQT đều mời Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng ban tham dự họp, đảm bảo công việc cụ thể và tham gia ý kiến.
- Phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát, đảm bảo tính độc lập hoạt động của Ban kiểm soát. Mời họp và gửi tài liệu họp HĐQT đến Ban kiểm soát theo đúng quy định như đối với thành viên HĐQT, tôn trọng, lắng nghe và tiếp thu ý kiến của Ban kiểm soát tham dự cuộc họp HĐQT.

3. Hạn chế, tồn tại:

Mặc dù HĐQT đã thường xuyên họp với Ban điều hành, có nhiều biện pháp, giải pháp kịp thời xong sản xuất kinh doanh của công ty các chỉ tiêu vẫn chưa đạt 100% KH đề ra; giá trị sản xuất kinh doanh xây lắp đạt giá trị thấp, hiệu quả chưa cao. Chi phí lãi vay vẫn lớn làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh và sự phát triển bền vững của Công ty.

4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng giám đốc:

- Ban Tổng giám đốc đã chủ động trong điều hành sản xuất, để kịp thời các biện pháp, giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. HĐQT đã thực hiện ban hành các nghị quyết, quyết định, kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc và người điều hành khác trong điều hành sản xuất kinh doanh của công ty theo quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ của Công ty. Ban Tổng giám đốc đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong công tác quản lý điều hành, thu hồi công nợ, cân đối dòng tiền, bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT nhằm hoạt động kinh doanh ổn định, từng bước đáp ứng mục tiêu, yêu cầu chỉ đạo, định hướng của ĐHĐCĐ và của HĐQT.
- Công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm và công tác tổ chức thi công còn chưa đạt yêu cầu đề ra, nguyên nhân chủ yếu đã được trình bày trong báo cáo SXKD năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025, vấn đề này, yêu cầu Ban Tổng giám đốc cần quan tâm và có biện pháp mạnh mẽ hơn nữa.
- Năm 2024, Hội đồng quản trị chưa phát hiện thấy điều gì bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác

trong Công ty và không nhận được bất kỳ đơn thư, khiếu kiện nào có liên quan đến Ban Tổng giám đốc Công ty và chức danh quản lý khác

- Tổng giám đốc và cán bộ quản lý đã triển khai thực hiện công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của đơn vị theo quy định của Pháp luật và các quy chế quản trị nội bộ Công ty.

5. Về thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024:

Dự toán thù lao HĐQT, BKS, năm 2024: 492 triệu đồng.

Trên cơ sở thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2024, và Nghị quyết thông qua của Đại hội đồng cổ đông năm 2024; mức thù lao HĐQT, BKS được chi trả bằng 100% dự toán đã được duyệt , tổng mức chi trả là 492 triệu đồng..

Báo cáo tổng lương của cán bộ điều hành chi trả năm 2024: *(theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Sông Đà 9).*

3. Các chỉ tiêu báo cáo tài chính - Báo cáo kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2024.

(Chi tiết theo báo cáo SXKD và báo có tài chính đã được kiểm toán của Sông Đà 9 kèm theo)

4. Tình hình quản trị năm 2024:

- Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn, có nhiều ý kiến đóng góp vào công việc quản trị điều hành; đánh giá rõ trách nhiệm của Hội đồng quản trị cũng như trách nhiệm điều hành của Ban tổng giám đốc; đã giám sát hoạt động SXKD của đơn vị, kịp thời có những chỉ đạo và giải pháp hợp lý.
- Hội đồng quản trị thực hiện tốt vai trò định hướng, giám sát, kiểm soát các hoạt động của Công ty đảm bảo công tác quản trị doanh nghiệp minh bạch hiệu quả.
- Nghiêm túc thực hiện việc công bố các báo cáo quản trị Công ty, báo cáo thường niên và các báo cáo bất thường khác theo quy định đầy đủ và kịp thời.

III. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

Hội đồng quản trị đặt ra mục tiêu năm 2025: Giá trị SXKD 520 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 33,5 tỷ đồng *(tăng 25% so với thực hiện 2024)*. Hội đồng quản trị chú trọng yếu tố an toàn, khả thi, cố gắng thực hiện các mục tiêu đề ra, hạn chế tối đa các rủi với định hướng:

1. Về thực hiện chức trách, nhiệm vụ HĐQT: Với chức năng là cơ quan quản lý của Công ty, HĐQT sẽ thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và các quy chế nội bộ của đơn vị. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết ĐHĐCĐ, đồng thời ban hành các Nghị quyết, quyết định kịp thời, linh hoạt để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện, chỉ đạo quyết liệt hơn và thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định đó.

2. Về công tác quản trị:

- Tiếp tục rà soát xây dựng mới hoặc sửa đổi bổ sung các quy chế, quy trình phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị, làm cơ sở cho công tác quản trị, quản lý, điều hành được chặt chẽ, hạn chế rủi ro cho doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác giám sát, chỉ đạo Ban điều hành trong sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý, phấn đấu đạt và vượt mức chỉ tiêu đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Báo cáo, công bố thông tin định kỳ, bất thường theo đúng quy định của pháp luật.

3. Về công tác sản xuất kinh doanh:

- Tiếp thị, đấu thầu tìm kiếm việc làm năm 2025 và các năm tiếp theo.

- Quản lý có hiệu quả tài sản chiến lược của Công ty là các nhà máy thủy điện PaKe, Nậm Khánh, Nâm Mu.

- Chủ động làm việc với các tổ chức tín dụng, ngân hàng về tái cơ cấu khoản vay. Cân đối, thu xếp vốn kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Mở rộng và xây dựng mối quan hệ với các tổ chưc tín dụng để đảm bảo đa dạng về nguồn vốn với chi phí vay thấp.

- Thường xuyên rà soát tình hình tài chính để cân đối thu- chi, chủ động về tài chính. Thoái vốn tại các công ty có cổ phần vốn góp dưới 20% của Công ty cổ phần Sông Đà 9.

- Quyết liệt trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán và đặc biệt là thu hồi công nợ lâu năm, công nợ khói đòi. Xây dựng phương án chi tiết cho công tác thu hồi công nợ và giảm giá trị dở dang các công trình đã và đang thi công. Quản lý có hiệu quả và kiểm soát rủi ro các công trình mới.

- Tập trung cùng Ban Tổng giám đốc thực hiện các chương trình quản trị kế hoạch, quản trị chi phí, quản trị nhân lực, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

- Đẩy mạnh công tác khoán quản trong đơn vị, công trình trên cơ sở phân tích, hạch toán.

- Nâng cao giá trị doanh nghiệp sau khi cơ cấu lại công ty; áp dụng công nghệ trong công tác quản lý điều hành. Xây dựng đội ngũ quản lý với năng lực lãnh đạo, quản lý điều hành đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp sau khi cơ cấu lại công ty để phục hồi tăng trưởng.

- Xem xét, nghiên cứu và thẩm định việc đầu tư mở rộng sản xuất nhà máy thủy điện của Công ty cổ phần thủy điện Nậm Mu.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị công ty; HĐQT tin trưởng rằng công ty cổ phần Sông Đà 9 sẽ sớm vượt qua khó khăn thách thức, từng bước phát triển/

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- *Như kính gửi*
- *Lưu HĐQT, HCNS*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Trần Thế Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9
BAN KIỂM SOÁT

Số: 02/CT-BKS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 9

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9;
- Căn cứ Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9;

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9 (BKS) báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả kiểm soát hoạt động đánh giá một số nội dung liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9 (Công ty) trong năm 2024 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban Kiểm soát đã tham dự các cuộc họp quý của Hội đồng quản trị;
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro của Công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Kiểm tra, đánh giá việc quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng giám đốc (Ban TGĐ) theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty;
- Thẩm định báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty;
- Đánh giá việc tuân thủ pháp luật, công tác quản lý của Hội đồng quản trị, công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc.

II. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2024:

Trên cơ sở báo cáo của HĐQT, Ban TGĐ về tình hình thực hiện nhiệm vụ, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, Ban Kiểm soát có một số nhận xét, đánh giá như sau:

1. Một số chỉ tiêu kinh tế tài chính chủ yếu:

- Giá trị sản xuất kinh doanh : 301,0 tỷ đồng, đạt 63,6% KH
- Doanh thu : 302,0 tỷ đồng, đạt 65,7% KH
- Lợi nhuận trước thuế : 26,75 tỷ đồng, đạt 100,6% KH
- Lợi nhuận sau thuế : 24,83 tỷ đồng, đạt 116,7% KH
- Các khoản nộp NSNN : 31,0 tỷ đồng, đạt 72,1% KH
- Tỷ lệ cổ tức : dự kiến 5,0%, đạt 100% KH

Năm 2024, chỉ tiêu lợi nhuận và tỷ lệ chia cổ tức hoàn thành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Tuy nhiên, chỉ tiêu giá trị sản xuất kinh doanh, doanh thu, nộp NSNN chưa hoàn thành. Những nguyên nhân chưa hoàn thành kế hoạch đã được HĐQT và Ban TGĐ nêu rõ và phân tích trong báo cáo trình ĐHĐCĐ.

- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh chính:

+ Doanh thu hoạt động xây lắp hoàn thành 36% kế hoạch năm, đạt 91,76 tỷ đồng chiếm 30,4% tổng doanh thu.

Một số công trình xây dựng có sản lượng thực hiện thấp như: dự án gói thầu F2 đạt 37% kế hoạch năm; công trình hệ thống xử lý nước thải Yên Xá đạt 11% kế hoạch năm; công trình kè Tây Giang đạt 5% kế hoạch năm.

Các công trình thực hiện năm 2024 chủ yếu được chuyển tiếp từ năm 2023; các công trình mới dự kiến đấu thầu thành công rất thấp.

+ Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh điện hoàn thành 105% kế hoạch năm, đạt 175,98 tỷ đồng chiếm 58,3% tổng doanh thu.

- Doanh thu hoạt động tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoàn thành 90% kế hoạch năm, đạt 34,23 tỷ đồng chiếm 11,3% tổng doanh thu.

2. Báo cáo tài chính năm 2024:

Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024 được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán và đánh giá phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024; kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Kiểm soát thống nhất với các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp lập tại thời điểm 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.

Một số chỉ tiêu chủ yếu trên Báo cáo tài chính năm 2024:

- Tổng tài sản: 1.447.406.033.935, đồng
  - *+ Tài sản ngắn hạn: 601.387.800.541, đồng*
  - *+ Tài sản dài hạn : 846.018.233.394, đồng*

- Nguồn vốn: 1.447.406.033.935, đồng
  + *Nợ phải trả: 836.318.178.210, đồng*
  + *Nguồn vốn chủ sở hữu: 611.087.855.725, đồng*
- Doanh thu: 301.969.007.482, đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 26.747.713.943, đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 24.835.966.017, đồng

3. So sánh một số chỉ tiêu cùng kỳ năm 2024 và năm 2023:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2023	Tỷ lệ (%)
Sản lượng	10^6 đồng	301,0	473,0	63,6%
Doanh thu	10^6 đồng	301,97	379,81	79,5%
Lợi nhuận trước thuế	10^6 đồng	26,75	12,27	217,9%
Lợi nhuận sau thuế	10^6 đồng	24,84	10,25	242,3%
Tổng tài sản	10^6 đồng	1.447,41	1.596,56	90,7%
Nợ phải trả	10^6 đồng	836,32	1.000,73	83,6%
Vốn chủ sở hữu	10^6 đồng	611,09	595,84	102,6%
Hệ số nợ phải trả	Lần	1,37	1,68	81,5%
Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	1,73	1,60	108,5%
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,54	1,58	97,9%
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	8,86%	3,23%	274,1%
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	8,22%	2,70%	304,7%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	4,06%	1,72%	236,2%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,72%	0,64%	267,3%

Sản lượng và doanh thu năm 2024 giảm mạnh so với năm 2023 (sản lượng đạt 63,6%, doanh thu đạt 79,5%). Tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế tăng trưởng mạnh so với năm 2023 (lần lượt tăng 217,9% và 242,3%).

Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2024 giảm 164,4 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2023. Hệ số nợ (1,37 lần) giảm so với năm 2023 (1,68 lần) và trong ngưỡng an toàn. Theo đánh giá tại Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, toàn bộ khoản nợ các tổ chức tín dụng có khả năng trả nợ.

Nợ phải thu ngắn hạn giảm 59 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2023; trong đó nợ phải thu khách hàng giảm 27,7 tỷ đồng nhưng vẫn ở mức cao (283 tỷ đồng).

Dự phòng nợ phải thu khó đòi tại thời điểm 31/12/2024 là 53,9 tỷ đồng, tăng 25 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2023. Chi phí dự phòng đã phản ánh vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 là: 29,93 tỷ đồng (dự phòng nợ phải thu khó đòi: 25,09 tỷ đồng; dự phòng đầu tư tài chính: 4,84 tỷ đồng).

Chi phí lãi vay giảm so với năm 2023,. Mặc dù khó khăn, trong năm 2024 Công ty đã cân đối trả đủ nợ vay đến hạn.

Vốn chủ sở hữu tăng 15,2 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2023.

Các chỉ số thanh toán đã được cải thiện so với năm 2023.

III. Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban TGĐ:

- Trong năm 2024, HĐQT tổ chức 04 cuộc họp thường kỳ vào đầu các quý theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông linh hoạt. HĐQT đã ban hành 18 Nghị quyết, việc ban hành đảm bảo đúng trình tự theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty;
- HĐQT nghiêm túc thực hiện việc công bố các báo cáo quản trị, báo cáo thường niên và bất thường khác theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- HĐQT đã chỉ đạo việc thu hồi công nợ, hỗ trợ Ban TGĐ trong việc thu hồi công nợ, đặc biệt là các khoản nợ lâu năm, khó đòi. Do vậy, trong năm 2024, nợ phải thu đã giảm đáng kể. Tuy nhiên, giá trị công nợ phải thu và dở dang vẫn còn lớn;
- Mặc dù gặp nhiều khó khăn, HĐQT và Ban TGĐ đã có nhiều nỗ lực, cố gắng trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh:

+ HĐQT đã tham gia các cuộc họp với của Ban TGĐ với Người đại diện vốn về hoạt động sản xuất kinh doanh để nắm bắt kịp thời và đề các quyết sách phù hợp;
+ Ban TGĐ đã nỗ lực trong công tác điều hành, thu hồi công nợ, cân đối dòng tiền, bám sát các Nghị quyết HĐQT trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh;
+ Ban TGĐ cân đối nguồn tài chính trả nợ thuế, bảo hiểm xã hội và chi trả các chế độ cho người lao động.

- Đến thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, Công ty chưa chi trả cổ tức năm 2019, 2021, 2022, 2023;
- Công tác tái cấu trúc, thoái vốn các khoản đầu tư tài chính chưa thực hiện được theo kế hoạch;
- Trong các tài liệu được cung cấp, Ban Kiểm soát chưa nhận thấy có hợp đồng, giao dịch nào với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ;
- Trong năm 2024, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn thư, khiếu kiện nào liên quan đến các chức danh quản lý trong Công ty.

IV. Kiến nghị:

Để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban Kiểm soát đề nghị HĐQT và Ban TGĐ:

- Chú trọng nâng cao năng lực quản trị, năng lực tổ chức quản lý thi công. Tăng cường hoạt động thống kê, nâng cao chất lượng công tác hạch toán kế toán. Phân tích đánh giá đầy đủ và toàn diện tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

và thực hiện các biện pháp giảm giá thành để nâng cao năng lực cạnh tranh, đấu thầu;

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế, năng lực của Công ty và có tính khả thi cao;
- Xây dựng kế hoạch và tiếp tục tăng cường thu hồi công nợ phải thu khách hàng theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. HĐQT tiếp tục sát sao chỉ đạo và cùng Ban TGĐ tích cực thu hồi công nợ, đặc biệt công nợ khó đòi. Phân tích các khoản công nợ tạm ứng, nợ cá nhân và quyết liệt thu hồi công nợ đảm bảo đáp ứng tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Ban TGĐ tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng để tái cấp hạn mức tín dụng đảm bảo đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và trả nợ theo kế hoạch;
- Đẩy mạnh công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm. Hoàn thiện quy trình dự thầu (lập hồ sơ dự thầu theo đúng quy định; theo dõi và phúc đáp đầy đủ, kịp thời các yêu cầu của chủ đầu tư; đồng thời đảm bảo tính bảo mật của hồ sơ dự thầu). Tổ chức tốt công tác thi công đảm bảo hoàn thành kế hoạch;
- Tiếp tục rà soát để thực hiện thanh lý các tài sản hư hỏng không sử dụng theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tổ chức tốt công tác quản lý, giám sát việc ký kết và thực hiện hợp đồng xây dựng; rà soát, đánh giá năng lực các bên liên quan của tất cả các hợp đồng thi công các công trình, với chủ đầu tư và các nhà thầu để đảm bảo thực hiện đúng các quy định về Luật đấu thầu, Luật xây dựng và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn và các quy định pháp luật, quy định nội bộ hiện hành về hợp đồng xây dựng, hợp đồng với các nhà thầu phụ. Theo dõi sát sao tình hình thực hiện hợp đồng (tiến độ thi công, thanh toán,...) để có biện pháp ngăn ngừa rủi ro và xử lý kịp thời các vướng mắc phát sinh;
- Nộp ngân sách kịp thời tránh phát sinh phạt chậm nộp ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh;
- Chi trả tiền lương cho người quản lý, người lao động gắn với năng suất, hiệu quả. Đảm bảo chi trả kịp thời tiền lương và các chế độ khác cho người lao động;
- Xây dựng lộ trình chi trả cổ tức năm 2019, 2021, 2022, 2023, 2024 cho các cổ đông;
- Thực hiện tốt công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và cảnh báo sớm; tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung một số quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và định hướng phát triển của Công ty;
- Kịp thời khắc phục những vấn đề tồn tại theo yêu cầu của các cơ quan thanh, kiểm tra.

V. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025:

1. Giám sát HĐQT, Ban TGĐ trong việc thực hiện trách nhiệm của người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các báo cáo: báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng và năm; báo cáo tài chính bán niên và năm; báo cáo công tác quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị.
4. Trình báo cáo thẩm định, báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
5. Xem xét, kiểm tra sổ sách kế toán, hạch toán kế toán và các tài liệu khác; công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoặc theo yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác (khi được mời tham dự).
8. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông/nhóm cổ đông.
9. Giám sát tình hình tài chính, việc tuân thủ pháp luật của người quản lý Công ty và Người đại diện phần vốn của Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết.
10. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, Ban TGĐ;
- KSV;
- Lưu BKS, VT.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thị Thu Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9 **BAN KIỂM SOÁT**	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2025/TTr-BKS	

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 9

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9;

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 9 (BKS) kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 9 (ĐHĐCĐ) lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2025 và kiểm toán BCTC năm 2025 của Công ty cổ phần Sông Đà 9 (Công ty) như sau:

I. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán

Căn cứ ngành nghề kinh doanh và nhu cầu kiểm toán của Công ty, BKS đề xuất ĐHĐCĐ các tiêu chí, hình thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán

- Là Công ty kiểm toán độc lập, được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết;
- Là đơn vị kiểm toán có uy tín, đội ngũ kiểm toán viên có trình độ, kinh nghiệm kiểm toán BCTC trong lĩnh vực xây dựng theo các quy định của Chuẩn mực kế toán, Hệ thống kế toán Việt Nam;
- Không xung đột về lợi ích khi thực hiện kiểm toán BCTC của Công ty;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu;
- Đảm bảo hoàn thành và công bố BCTC đã được kiểm toán theo đúng thời hạn quy định với chất lượng tốt nhất.

2. Hình thức lựa chọn đơn vị kiểm toán

Thực hiện theo đúng của định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

II. Đề xuất của BKS

Từ những tiêu chí trên, BKS kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 những nội dung sau:

1. Thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán và soát xét BCTC trong năm 2025 của Công ty, cụ thể:

- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY;
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn 01 (một) trong số các Công ty kiểm toán thuộc danh sách trên để thực hiện kiểm toán và soát xét BCTC trong năm 2025 của Công ty; và giao Tổng giám đốc ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán được lựa chọn theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT;
- Ban Tổ chức ĐHĐCĐ;
- Lưu BKS, VT.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thị Thu Phương

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07 CT-HĐQT	*Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025*

TỜ TRÌNH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
V/v Thông qua phương án phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông công ty

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*
- *Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;*
- *Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9;*
- *Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY;*

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo và trình trước Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

TT	Nội dung		Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế	:	26.747.713.943
2	Chi phí thuế TNDN	:	1.652.068.408
3	Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại	:	259.679.518
4	Lợi nhuận sau thuế (4=1-2-3)	:	24.835.966.017
5	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	:	2.545.502.124
7	Lợi nhuận chia cổ tức 5% (68,9% LN phân phối)	:	17.117.000.000
8	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (21,6% LN phân phối	:	5.356.439.203
9	Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền	:	5,0%
10	Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối	:	4.908.028.938

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- *Như kính gửi*
- *Lưu HĐQT, HCNS*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Trần Thế Quang

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/CT-HĐQT

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

V/v: Chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2024 và phương án chi trả thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 9

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 9;*
- *Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên Công ty cổ phần Sông Đà 9 năm 2024.*
- *Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY;*

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 9 báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2024 và phương án trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2025 như sau:

1. Tình hình thực hiện việc chi trả thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2024:

Theo quy định tại mục 7.2. Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2024 về chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát công ty: Mức thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2024 đạt 100% KH lợi nhuận sau thuế, cụ thể như sau:

ĐVT: 10^3 đồng

TT	Chức danh	Số người	Số tháng	Thù lao/tháng theo nghị quyết ĐHĐCĐ 2024 (đồng/tháng)	Thù lao/tháng được hưởng 100%KH	Tổng thù lao năm 2024
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)x(4)x(5)
	Thù lao, tiền thưởng thành viên HĐQT, BKS				**492.000**	**553.500**
1	Thành viên HĐQT	4	12	7.000	7.000	336.000
2	Trưởng BKS không chuyên trách	1	12	7.000	7.000	84.000
3	Thành viên BKS	2	12	3.000	3.000	72.000
	Tổng cộng					**492.000**

(Có bảng tính chi tiết kèm theo)

2. Kế hoạch chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2025:

- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT Công ty xây dựng và phê duyệt kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2025 của Công ty cổ phần Sông Đà 9 theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

***Nơi nhận*:**
- Như kính gửi;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu HĐQT, TCKT.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9

Trần Thế Quang